



DAMSAN



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2022

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

A PHÂN MỞ ĐẦU

I. THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HĐQT	04
1. Một số chỉ tiêu chính	06
II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN	07
1. Tâm nhìn	07
2. Sứ mệnh	07
3. Giá trị cốt lõi	07

B THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát	10
2. Quá trình hình thành và phát triển	10
3. Các giải thưởng nổi bật của DAMSAN.....	12
4. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	13
5. Địa bàn kinh doanh	15
6. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	16
7. Vị thế	18
8. Các nhân tố rủi ro	18

C TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	24
1. Thông tin ngành	24
2. Kết quả sản xuất kinh doanh so với kế hoạch	24
3. Kết quả kinh doanh qua các năm	25
4. Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận	25
5. Ban Tổng Giám đốc	26
6. Nhân sự và chính sách nhân sự	28
II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN	30
1. Các khoản đầu tư lớn trong năm	30
2. Tiến độ thực hiện các Dự án của Công ty.....	30
3. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	31
III. CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU	32
1. Cổ phần	32
2. Cơ cấu cổ đông	32
3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	33

D BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

I. NHỮNG THÁCH THỨC VÀ THUẬN LỢI TRONG NĂM 2021	36
II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2021	36
III. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	37
IV. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2022	38
1. Điều hành và quản trị Công ty trong năm 2022	38
2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh Công ty mẹ năm 2022	38
V. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ MỚI	39
1. Kế hoạch sản xuất	39
2. Đầu tư bất động sản.....	39
3. Phát triển năng lượng tái tạo.....	39
4. Giải pháp và biện pháp để thực hiện được các mục tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2023.....	39
5. Báo cáo đánh giá liên quan trách nhiệm môi trường và xã hội của Công ty.....	39

E BÁO CÁO CỦA HĐQT

1. Đánh giá tình hình kinh tế vĩ mô, ngành.....	42
2. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh	43
3. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc	43
4. Định hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022	44

F QUẢN TRỊ CÔNG TY

I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	46
II. BAN KIỂM SOÁT	49
III. CÁC GIAO DỊCH, THỦ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT	50

G PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

I. TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG	54
II. TIÊU THỤ NƯỚC	54
III. TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG	55
IV. TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	55
V. CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG	55
VI. BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG	56
VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2022	57



Thông điệp CỦA CHỦ TỊCH HĐQT



Kính gửi Quý cổ đông, Quý khách hàng, Quý đối tác và Toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Damsan,

Thay mặt Ban lãnh đạo Công ty, tôi xin gửi lời chúc tốt đẹp nhất đến toàn thể Quý vị - những người đã cùng đồng hành, ủng hộ, dành lòng tin và tâm huyết cho sự phát triển của Công ty Cổ phần Damsan trong suốt thời gian qua!

Năm 2022 đã kết thúc với rất nhiều biến động đã xảy ra trên thế giới cũng như tại Việt Nam. Nền kinh tế toàn cầu đang phải đối mặt với những thách thức ngày càng lớn. Tăng trưởng đã mất đà, lạm phát cao diễn ra dai dẳng, niềm tin suy yếu và tính bất ổn cao. Xung đột tại U-crai-na đã đẩy giá cả lên cao, đặc biệt giá năng lượng, làm gia tăng áp lực lạm phát vào thời điểm chi phí sinh hoạt đã tăng nhanh trên toàn thế giới. Các điều kiện tài chính toàn cầu bị thắt chặt đáng kể trong bối cảnh tăng lãi suất chính sách của các ngân hàng trung ương, đã ảnh hưởng tới chi tiêu và tăng thêm áp lực cho nhiều nền kinh tế.

Ngành sản xuất sợi của Việt Nam cũng đã và đang trong giai đoạn sản xuất khó khăn do các phản ứng tiêu cực từ nền kinh tế. Số lượng và giá trị các đơn hàng liên quan đến sản phẩm sợi của như ngành dệt may bắt đầu sụt giảm mạnh do áp lực từ lạm phát kéo theo nhu cầu tiêu thụ hàng may mặc trên toàn thế giới sụt giảm, đồng thời các biện pháp giãn cách xã hội Zero COVID tại Trung Quốc càng khiến cho thị trường xuất khẩu xơ sợi của Việt Nam càng thêm ảm đạm trong nửa cuối năm 2022. Giá trị xuất khẩu sợi Việt Nam năm 2022 ước đạt 4,7 tỷ USD (giảm -16,4% so với 2021). Trong đó, xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc ước đạt 2,2 tỷ USD (giảm -24,1% so với 2021), chiếm 46,8% tỷ trọng xuất khẩu. Các thị trường khác như Hàn Quốc (giảm -14,6% so với 2021) cũng sụt giảm đáng kể. Điều này phản ánh mức tác động cực kì mạnh mẽ từ áp lực lạm phát đã khiến cho thị trường dệt may và sản xuất xơ sợi của Việt Nam bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

Bất chấp khó khăn của Việt Nam nói chung và ngành dệt may nói riêng, Công ty Cổ phần Damsan đã triển khai tích cực hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty: trong năm 2022 công ty đã đạt mức doanh thu thuần hợp nhất là 1.692 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế hợp nhất của công ty đạt 75 tỷ đồng. Trong giai đoạn khó khăn vừa qua, để đạt được mức kết quả trên là thành quả nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty đã cố gắng quyết tâm cao, hành động quyết liệt khắc phục khó khăn và hoàn thành các nhiệm vụ mà cổ đông đã giao phó.

Bước sang năm 2023, trong bối cảnh của trạng thái bình thường mới, Công ty tiếp tục theo đuổi mục tiêu tăng trưởng quy mô bền vững trong lĩnh vực sản xuất sợi, đồng thời đẩy mạnh đầu tư các ngành sản xuất khác mang lại giá trị ổn định cho Công ty như lĩnh vực năng lượng tái tạo, bất động sản... của Công ty.

Kính thưa quý cổ đông, hiểu rõ những thuận lợi và khó khăn chung, Ban lãnh đạo và tập thể Cán bộ công nhân viên Công ty đã nỗ lực đưa ra nhiều giải pháp kịp thời ứng phó với dịch bệnh và biến động thị trường, duy trì và tạo dựng mối quan hệ chiến lược với các đối tác, khách hàng, nhà cung cấp, cải thiện mức phúc lợi, an sinh xã hội cho người lao động và luôn làm tròn trách nhiệm với cổ đông, với cộng đồng. Chúng tôi hoàn toàn tin tưởng rằng, với sự đồng lòng của toàn thể đội ngũ nhân viên, sự quyết tâm của Ban Lãnh đạo và sự tin tưởng của Quý vị, Công ty sẽ có thêm sức mạnh và động lực để đương đầu với mọi khó khăn thách thức, phát triển mạnh mẽ và tạo ra những giá trị bền vững cho xã hội.

Thay mặt Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Damsan, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý khách hàng, Quý cổ đông đã tích cực đóng góp, ủng hộ và tin tưởng Công ty trong năm 2022 đầy biến động vừa qua. Công ty hy vọng tiếp tục nhận được những đóng góp, hỗ trợ từ Quý vị không chỉ trong năm 2022 mà còn là sự đồng hành lâu dài trong suốt hành trình phát triển bền vững của Công ty.

Xin chân thành cảm ơn!

Thay mặt Hội đồng quản trị

CHỦ TỊCH H.Đ.QU.T
Vũ Huy Đông

1. Một số chỉ tiêu chính

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán các năm của ADS)

Đơn vị: Tỷ đồng

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	NĂM 2018	NĂM 2019	NĂM 2020	NĂM 2021	NĂM 2022
Doanh thu	1.839,44	1.705,14	1.339,29	1.513,15	1.692,60
Doanh thu thuần	1.839,11	1.705,14	1.339,01	1.513,15	1.692,56
Giá vốn hàng bán	1.709,21	1.648,34	1.275,63	1.335,82	1.555,06
Lợi nhuận gộp	129,89	58,5	63,38	177,33	137,51
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	61,51	9,64	28,1	113,61	86,23
Lợi nhuận sau thuế	56,44	8,28	24,44	100,49	74,94

Đơn vị: Tỷ đồng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	NĂM 2018	NĂM 2019	NĂM 2020	NĂM 2021	NĂM 2022
Tổng tài sản	1.712,91	1.733,48	1.837,89	1.985,17	2.181,69
Vốn điều lệ	255,18	255,18	280,69	380,69	437,79
Vốn chủ sở hữu	451,98	405,96	422,14	583,90	657,09
Nợ phải trả	1.260,93	1.177,67	1.415,75	1.401,27	1.524,60

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU	NĂM 2018	NĂM 2019	NĂM 2020	NĂM 2021	NĂM 2022
Thu nhập trên vốn cổ phần (ROE)	12,79%	2,21%	5,10%	19,98%	12,08%
Thu nhập trên tổng tài sản (ROA)	3,44%	0,58%	1,18%	5,26%	3,60%
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành cuối kỳ	25.517.800 cp	25.517.800 cp	28.069.450 cp	38.069.450 cp	43.779.034 cp
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.212 đ/cp	371 đ/cp	750 đ/cp	2.952 đ/cp	1.705 đ/cp



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Sáng tạo không ngừng, phát triển con người và trở thành doanh nghiệp toàn cầu đứng hàng đầu tiên phong trong ngành sợi/ dệt và phát triển đa ngành với cốt lõi là dệt may và bất động sản.



Chúng tôi ứng dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường, quản trị hiện đại, đội ngũ chuyên nghiệp và văn hóa doanh nghiệp cầu tiến sáng tạo, thông qua tiết giảm tiêu hao nguồn tài nguyên, năng lượng, bảo vệ môi trường để đóng góp cho xã hội, mang đến cho cộng đồng những sản phẩm dịch vụ hiện đại và thân thiện. Lấy tầng lớp thu nhập trung lưu và thu nhập thấp làm trung tâm.

Phục Vụ Khách Hàng: Trân trọng khách hàng, luôn có giải pháp hữu ích, hợp lý để thỏa mãn nhu cầu khách hàng.

Đông Tâm Hiệp Lực: Mỗi người trong DAMSAN cần chung sức cùng nhau hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

Liên Tục Cầu Tiến: Không thỏa mãn với hiện trạng, luôn khát vọng cải tiến kết quả công việc, hiệu quả làm việc và chất lượng cuộc sống.

Cùng Nhau Phát Triển: Gắn kết sự phát triển của DAMSAN với mọi người trong xã hội và mỗi cán bộ công nhân viên DAMSAN





THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Các giải thưởng nổi bật của DAMSAN
4. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
5. Địa bàn kinh doanh
6. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
7. Vị thế
8. Các nhân tố rủi ro



TÊN CÔNG TY	CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP SỐ	1000389853 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 12 tháng 6 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 28 tháng 9 năm 2022
VỐN ĐIỀU LỆ	437.790.340.000 đồng
ĐỊA CHỈ	Lô A4 – Đường Bùi Viện – KCN.Nguyễn Đức Cảnh -Thành phố Thái Bình
SỐ ĐIỆN THOẠI	(022) 7364.3826
SỐ FAX	(022) 7364.2312
WEBSITE	http://damsanjsc.vn
MÃ CỔ PHIẾU	ADS
SÀN GIAO DỊCH	HSX

Quá trình HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Tháng 03/2006, Công ty Cổ phần Thương mại đầu tư Thái Bình và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công mỹ nghệ Hà Nội (Artexport) đã đàm phán hợp tác đầu tư thực hiện dự án Nhà máy kéo sợi dệt may hoàn tất công suất 3.500 tấn/năm tại Thái Bình. Tháng 4/2006, UBND tỉnh Thái Bình đã ra quyết định phê duyệt dự án và cho Công ty Cổ phần Thương mại đầu tư Thái Bình thuê đất để xây dựng Nhà máy sợi tại Khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh – Thái Bình. Tháng 05/2006, Công ty Cổ phần Thương mại đầu tư Thái Bình và các thành viên trong công ty XNK thủ công mỹ nghệ quyết định góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Dệt sợi Damsan và quyết định để cho Công ty Cổ phần Dệt sợi Damsan làm chủ đầu tư và thực hiện dự án.

Tháng 06/2006, Công ty khởi công xây dựng nhà máy Damsan I với tổng vốn đầu tư 121 tỷ đồng với công suất 2.880 tấn sợi OE/năm và 2.220 tấn sợi CD/năm tại khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, TP. Thái Bình, Tỉnh Thái Bình với các máy móc chính nhập từ Cộng hòa LB Đức và Thụy Sĩ.

Ngày 12/06/2006, Sở Kế hoạch Đầu tư Thái Bình cấp giấy phép kinh doanh lần đầu số 0803000284 cho Công ty Cổ phần Dệt sợi Damsan.

Năm 2009, Công ty đạt danh hiệu “Doanh nghiệp Việt Nam vàng” của Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam.

Tháng 6/2010, Công ty tiếp tục mở rộng đầu tư nhà máy Damsan II với tổng vốn đầu tư là 10 triệu USD với công suất là 3.600 tấn sợi OE/năm và 720 tấn khăn/năm tại khu công nghiệp Gia Lễ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Các máy móc dây chuyền công nghệ hiện đại được nhập khẩu từ Cộng hòa LB Đức, Thụy Sĩ, Nhật Bản...

Năm 2013, Công ty được chứng nhận đáp ứng các tiêu chí về năng lực cạnh tranh quốc tế và được trao tặng giải thưởng Sao vàng Đất Việt cùng danh hiệu Top 100 Thương hiệu Việt Nam trong hội nhập quốc tế. Khai thác tối đa thị trường nước ngoài, đưa kim ngạch xuất khẩu khăn và sợi từ 32 triệu USD (năm 2012) lên 38,7 triệu USD (năm 2013).

Năm 2014, Công ty đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh sợi OE, CD và kinh doanh bông nguyên liệu, kinh doanh sợi qua việc gia công, sản xuất và xuất khẩu khăn bông; Đầu tư thành công dây chuyền sợi cộc với 12.000 cọc và lắp đặt lại máy móc thiết bị cho phù hợp với sản xuất; Khởi công đầu tư xây dựng tòa nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp tại 56 Trần Hưng Đạo, phường Lê Hồng Phong, thành phố Thái Bình, quy mô 18 tầng, 256 căn hộ; Xây dựng chủ trương dài hạn phát triển công ty tới năm 2018; Vận hành tài chính tiền tệ trong xuất nhập khẩu, đảm bảo có lãi.

Ngày 30/05/2011 Công ty được UBCKNN chấp thuận trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 1566/UBCK-QLPH. Việc trở thành công ty đại chúng thể hiện cam kết và tầm nhìn của Ban lãnh đạo Công ty về một doanh nghiệp hướng tới lợi ích tối đa cho cổ đông và khách hàng, đồng thời cũng là cam kết về nâng cao năng lực quản trị, minh bạch trong quản lý và thực hiện công bố thông tin theo quy định.

Ngày 23 tháng 10 năm 2015, Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ 100,7 tỷ đồng lên 160,7 tỷ đồng với mục tiêu đầu tư vào Công ty Cổ phần Sợi Eiffel và nâng tổng công suất sản xuất sợi lên 16.560 tấn sợi/năm.

Ngày 19/11/2015, Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Damsan, phù hợp với định hướng phát triển và chiến lược của Công ty giai đoạn 2015 – 2020.

Năm 2015, bàn giao đưa vào sử dụng tòa nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp tại 56 Trần Hưng Đạo, Phường Lê Hồng Phong, thành phố Thái Bình. Bên cạnh đó, Công ty đã được Tỉnh Thái Bình chấp thuận đầu tư tòa nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp tại Tổ 39, 40 Phường Quang Trung, thành phố Thái Bình cao 15 tầng, quy mô 286 căn hộ.

Ngày 15/12/2017, chào bán thành công 8,6 triệu cổ phiếu với giá bán trung bình 17.000 đồng/cổ phiếu, thu về Công ty hơn 146 tỷ đồng. Bên cạnh đó, bàn giao đưa vào sử dụng tòa nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp tại Tổ 39, 40 Phường Quang Trung, thành phố Thái Bình cao 15 tầng, quy mô 286 căn hộ vào tháng 7/2017. Kim ngạch xuất nhập khẩu của công ty đạt 70,5 triệu USD, tăng 74% so với năm 2016 và vượt kế hoạch đặt ra 1%. Trong đó, giá trị xuất khẩu đạt hơn 42 triệu USD, tăng 78% so với năm 2016 và vượt 6% so với kế hoạch, cho thấy Công ty đã rất nỗ lực đẩy mạnh tìm kiếm bạn hàng xuất khẩu trong năm vừa qua.

Ngày 29/06/2016, Công ty thực hiện ngày giao dịch cổ phiếu đầu tiên trên HOSE với mã chứng khoán là ADS. Trong năm 2016, Công ty đầu tư thành công nhà máy sợi Eiffel gần 300 tỷ với quy mô 40.000 cọc sợi tại Xã Đông Mỹ, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình; hoàn thành 85% dự án tòa nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp tại Tổ 39, 40 Phường Quang Trung, thành phố Thái Bình cao 15 tầng, quy mô 286 căn hộ. Mặt khác, Công ty đã giải phóng mặt bằng thành công 10,5ha tại Khu đô thị Phú Xuân Damsan gồm 274 lô nhà liền kề và 74 lô biệt thự..

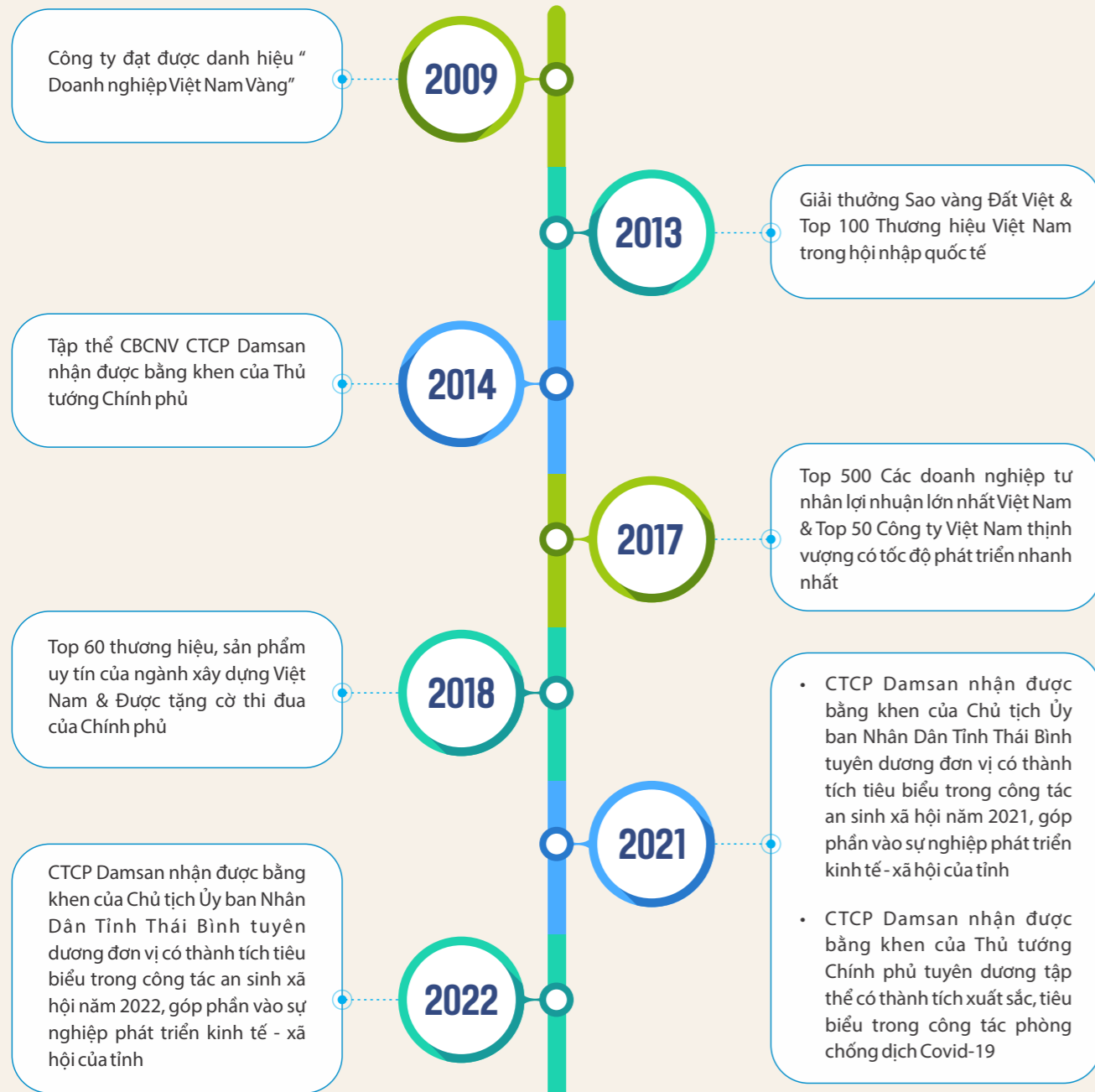
Năm 2020, Công ty tăng vốn điều lệ lên 280.694.500.000 đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2019.

Tháng 09/2022, Công ty đã hoàn tất tăng vốn điều lệ lên 437.790.340.000 đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2021.

Tháng 12/2021, Công ty đã hoàn tất đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu với tổng số cổ phiếu chào bán thành công là 10.000.000 cổ phiếu theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 218/GCN-UBCK ngày 04/10/2021, tăng vốn điều lệ của Công ty lên 380.694.500.000 đồng.

Năm 2018, thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh, bám sát diễn biến thị trường, linh hoạt trong xử lý tình huống, đa dạng thị trường tiêu thụ và phát triển khách hàng, Các dự án bất động sản triển khai thuận lợi. Dự án Khu đô thị Phú Xuân Damsan công tác giải phóng mặt bằng cơ bản xong tới 99%. Các lô đất hiện Công ty đã bán 95%, tiến bản đất cơ bản đã thu theo đúng tiến độ. Tòa nhà xã hội cho người thu nhập thấp 16 tầng tại Phường Quang Trung đã đi vào khai thác.

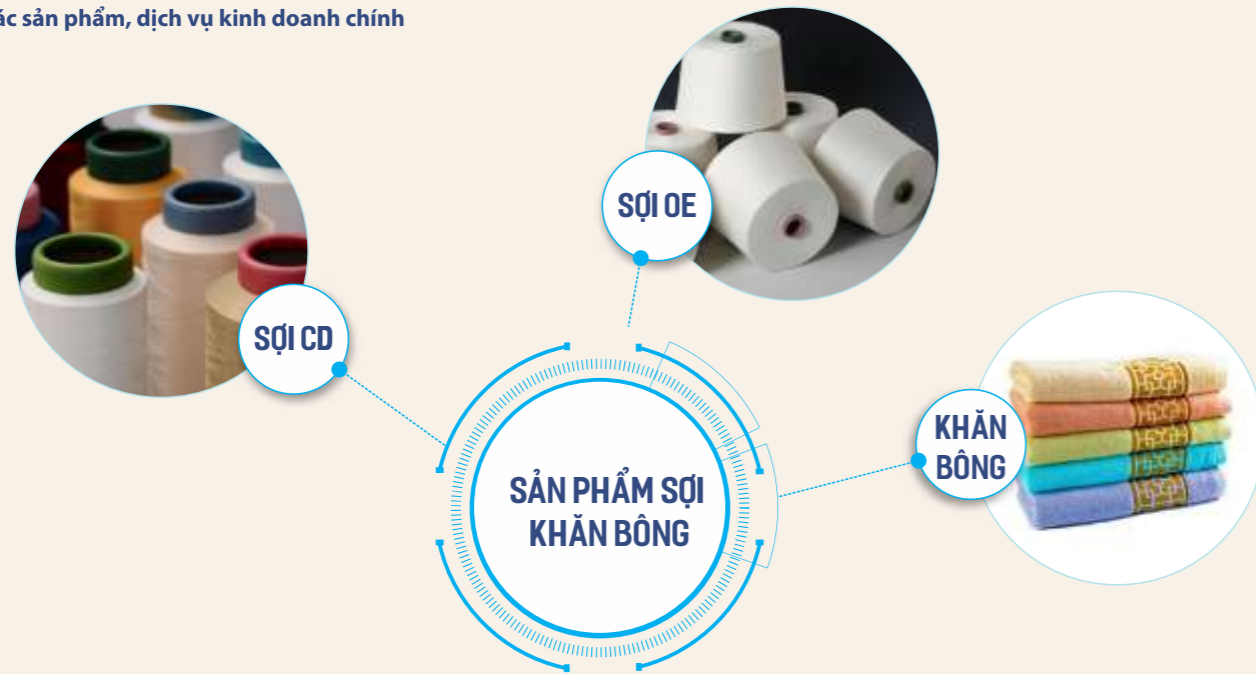
3. CÁC GIẢI THƯỞNG NỔI BẬT CỦA DAMSAN



4. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH
4212	Xây dựng công trình đường bộ Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ)
4221	Xây dựng công trình điện Chi tiết: Thi công xây dựng đường dây và trạm biến áp
4222	Xây dựng công trình cấp, thoát nước
4223	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc
4229	Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi; xây dựng các công trình văn hóa xã hội và các loại công trình công ích khác.
4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp; xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật (cấp, thoát nước), công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn.
4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí
4641	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép Chi tiết: Bán buôn vải, hàng may sẵn
7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển
7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế kiến trúc công trình; thiết kế công trình dân dụng - công nghiệp; thiết kế công trình cấp - thoát nước; thiết kế cơ - điện công trình; thiết kế xây dựng công trình giao thông, công trình nông nghiệp & PTNT; thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật; thẩm tra: Thẩm tra thiết kế + dự toán công trình xây dựng DD&CN; thẩm tra thiết kế + dự toán công trình giao thông (cầu, đường bộ); giám sát thi công xây dựng công trình; giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp; giám sát công trình hạ tầng kỹ thuật; giám sát công trình giao thông (cầu, đường bộ); giám sát công trình NN&PTNT; giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình; khảo sát xây dựng; khảo sát địa hình; tư vấn quản lý dự án công trình giao thông (cầu, đường bộ), lập dự án đầu tư xây dựng; tư vấn quản lý dự án công trình dân dụng, công nghiệp, lập dự án đầu tư xây dựng; tư vấn quản lý dự án công trình hạ tầng kỹ thuật, lập dự án ĐTXD; tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu, tư vấn lựa chọn nhà thầu.
4102	Xây dựng nhà không để ở
1392	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)
1393	Sản xuất thảm, chăn, đệm
4101	Xây dựng nhà để ở
1311 (Chính)	Sản xuất sợi
4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu chi tiết: Bán buôn sợi dệt, bông
4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành dệt may
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
1312	Sản xuất vải dệt thoi
1313	Hoàn thiện sản phẩm dệt
4771	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc trong các cửa hàng chuyên doanh
4662	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép; Bán buôn kim loại màu (trừ bán buôn vàng)
2592	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
4752	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh
4330	Hoàn thiện công trình xây dựng
4321	Lắp đặt hệ thống điện



5. ĐỊA BÀN KINH DOANH



SẢN PHẨM SỢI:

Tiêu thụ tại thị trường nội địa Việt Nam và xuất khẩu sang Hàn Quốc, Nhật Bản và Trung Quốc...

Khăn bông: sản xuất phục vụ mục đích xuất khẩu sang thị trường Châu Á, Châu Âu và Châu Mỹ.



BẤT ĐỘNG SẢN:

- Kinh doanh nhà ở xã hội: dành cho người thu nhập thấp tại Phường Quang Trung, Thành phố Thái Bình; Khu Đô thị Phú Xuân Damsan tại Phường Lý Bôn, Tỉnh Thái Bình.
- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp tại xã An Ninh, huyện Tiền Hải, Tỉnh Thái Bình

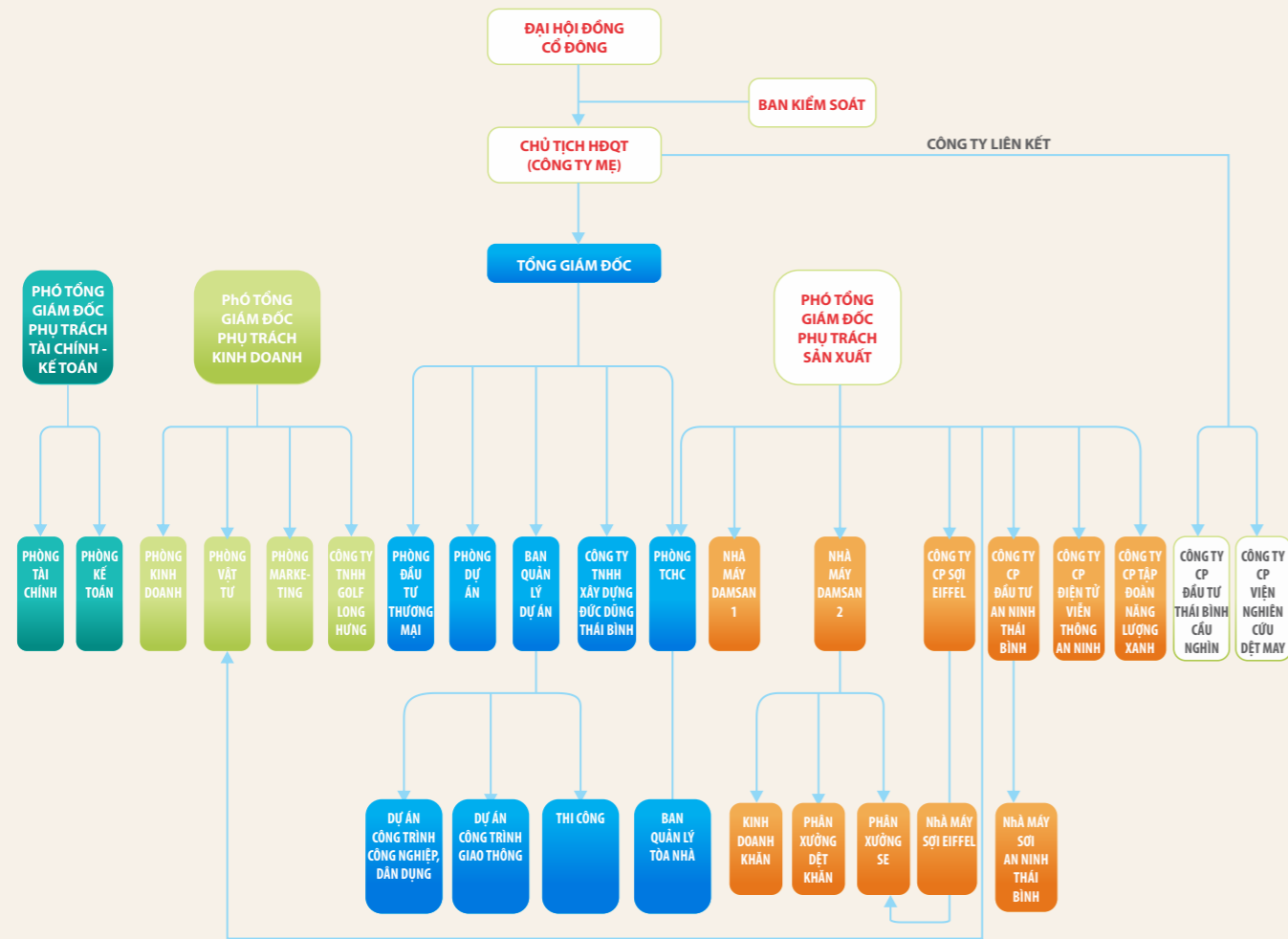


TẮM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI:

Cung cấp tấm pin năng lượng mặt trời cho các dự án nhà máy điện mặt trời, điện mặt trời áp mái, điện mặt trời hộ gia đình ... cho các tập đoàn, doanh nghiệp, hộ gia đình trong nước.

6. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ – SƠ ĐỒ BỘ MÁY QUẢN LÝ



Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Damsan (ĐHĐCĐ) gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ thông qua định hướng phát triển, quyết định và phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, tăng (giảm) vốn Điều lệ, phân chia lợi nhuận, cổ tức; quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm HĐQT, Ban kiểm soát; và quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

BAN KIỂM SOÁT

Là cơ quan trực thuộc ĐHCĐ, do ĐHCĐ Công ty bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

Hội đồng quản trị là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do ĐHCĐ bầu ra gồm 01 (một) Chủ tịch HĐQT và 04 (bốn) thành viên với nhiệm kỳ 05 (năm) năm. HĐQT nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ. HĐQT có trách nhiệm giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong Công ty. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Pháp luật và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHCĐ quy định.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

Tổng Giám đốc được Hội đồng quản trị bổ nhiệm, có quyền và nhiệm vụ thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất. Hỗ trợ cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc phụ trách lĩnh vực: Tài chính – kế toán, Kinh doanh, Sản xuất và Trưởng phòng nhân sự.

Công ty con

TÊN CÔNG TY CON	CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI EIFFEL
ĐỊA CHỈ	Lô 159/14, KCN Gia Lễ, xã Đông Xuân, Huyện Đông Hưng, Thái Bình
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH	Dệt sợi
VỐN ĐIỀU LỆ	175.000.000.000 (Một trăm bảy lăm tỷ) đồng
TỶ LỆ SỞ HỮU	80%
LỢI NHUẬN SAU THUẾ NĂM 2022	51.900.000.000 (Năm mốt tỷ chín trăm triệu) đồng

Công ty liên kết

TÊN CÔNG TY	CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MAY
ĐỊA CHỈ	478 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH	Sản xuất sợi
VỐN ĐIỀU LỆ	50.000.000.000 (Năm mươi tỷ) đồng
TỶ LỆ SỞ HỮU	30%
LỢI NHUẬN SAU THUẾ NĂM 2022	3.800.000.000 (Ba tỷ tám trăm triệu) đồng

TÊN CÔNG TY	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ AN NINH THÁI BÌNH
ĐỊA CHỈ	Km18+500, đường 39B, cụm công nghiệp An Ninh, Huyện Tiền Hải, Tỉnh Thái Bình
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH	Sản xuất sợi
VỐN ĐIỀU LỆ	100.000.000.000 (Một trăm tỷ) đồng
TỶ LỆ SỞ HỮU	48%
LỢI NHUẬN SAU THUẾ NĂM 2022	-

TÊN CÔNG TY	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THÁI BÌNH CẦU NGHÌN
ĐỊA CHỈ	Lô 36, đường Chu Văn An - Dự án Khu dân cư Đam San - Quang Trung, tỉnh Thái Bình
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH	Xây dựng cầu, đường bộ
VỐN ĐIỀU LỆ	180.000.000.000 (Một trăm tám mươi tỷ) đồng
TỶ LỆ SỞ HỮU	45%
LỢI NHUẬN SAU THUẾ NĂM 2022	-

TÊN CÔNG TY	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NĂNG LƯỢNG XANH AD
ĐỊA CHỈ	Lô CN2, Km18+500, đường 39B, cụm công nghiệp An Ninh, Tỉnh Thái Bình
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH	Sản xuất pin và ắc quy
VỐN ĐIỀU LỆ	120.000.000.000 (Một trăm hai mươi tỷ) đồng
TỶ LỆ SỞ HỮU	33%
LỢI NHUẬN SAU THUẾ NĂM 2022	-

7. VỊ THẾ

Thị trường cung ứng xơ sợi của Việt Nam hiện nay có thể chia làm 3 nhóm chính bao gồm (i) các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Dệt may Việt Nam (ii) các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và (iii) các doanh nghiệp tư nhân trong nước.

Là doanh nghiệp tư nhân, Công ty Cổ phần Damsan đã không ngừng nỗ lực, vượt qua những khó khăn thử thách từ các yếu tố bên ngoài đến nội bộ Công ty để nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, phát triển bền vững và nắm bắt cơ hội từ xu thế dệt may toàn cầu và của Việt Nam. Công ty hiện đang quản lý trực tiếp 02 nhà máy và quản lý gián tiếp 01 nhà máy thông qua công ty con - Công ty Cổ phần Sợi Eiffel với tổng công suất 16.560 tấn sợi/năm và 2.040 tấn khăn/năm.



Hiện nay, Công ty đang chuyển hướng sang lĩnh vực bất động sản, cả bất động sản nhà ở lẫn bất động sản khu công nghiệp. Do bất động sản trước giờ không phải là mảng kinh doanh chính của Công ty nên Công ty đang từng ngày nỗ lực xây dựng phát triển, hoàn thiện mình với quyết tâm cao nhất thông qua việc đầu tư những dự án bất động sản có pháp lý hoàn chỉnh, vị trí đắc địa, đẩy nhanh quá trình thi công các dự án... Từ đó, từng bước xây dựng vị thế Công ty trong lĩnh vực bất động sản tỉnh Thái Bình và trên toàn quốc.

Đồng thời Công ty cũng đã và đang tiếp tục phát triển mở rộng mảng kinh doanh hoạt động năng lượng xanh, trong đó Công ty đã đầu tư vào Công ty cổ phần Tập đoàn năng lượng xanh AD – công ty chuyên sản xuất các mặt hàng trong ngành quang điện, chủ yếu sản xuất tấm pin năng lượng mặt trời. Hiện Công ty cổ phần Tập đoàn năng lượng xanh AD đang sở hữu dây chuyền sản xuất tại nhà máy trên cụm công nghiệp An Ninh, xã An Ninh huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình với tổng diện tích 7,9ha; công suất tối đa của nhà máy là 3GW, sản lượng tối đa mỗi tháng có thể lên tới 50.500 tấm. Công ty cổ phần Tập đoàn năng lượng xanh AD hướng tới việc sản xuất các sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế xuất khẩu đi Mỹ và các nước Châu Âu, đáp ứng nhu cầu ngày càng gia tăng đối với các sản phẩm năng lượng tái tạo trong nước và quốc tế.

8. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

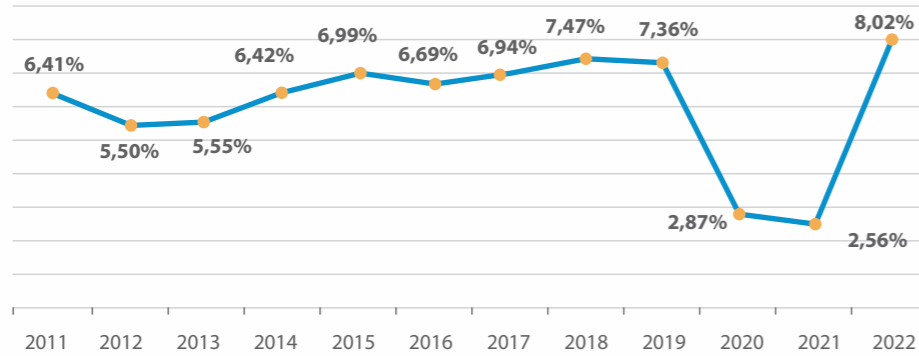
Sự tăng trưởng của nền kinh tế thế giới nói chung và kinh tế trong nước nói riêng tạo nên môi trường sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Vì vậy, sự thay đổi của nền kinh tế ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh và yêu cầu doanh nghiệp phải thích nghi kịp thời với biến động của các yếu tố vĩ mô.

Trong năm 2022, sau khi dịch bệnh Covid-19 được kiểm soát, nền kinh tế thế giới cũng như Việt Nam bắt đầu hồi phục mạnh mẽ trở lại, tạo điều kiện cho nhiều doanh nghiệp tiếp tục phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) năm 2022 của Việt Nam lần đầu tiên vượt 400 tỷ USD. Theo Tổng cục thống kê, GDP bình quân đầu người năm 2022 ước đạt 95,6 triệu đồng/người, tương đương 4.110 USD, tăng 393 USD so với năm 2021. Đặc biệt, GDP năm 2022 của Việt Nam ghi nhận mức tăng cao nhất trong vòng 12 năm qua với mức tăng 8,02% so với năm trước.

Để đạt được mục tiêu đề ra, Chính phủ đã và đang triển khai nhiều chính sách tài khóa – tiền tệ phù hợp, hỗ trợ tối đa quá trình phục hồi kinh tế - xã hội sau dịch bệnh.

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP NĂM 2011 - 2022



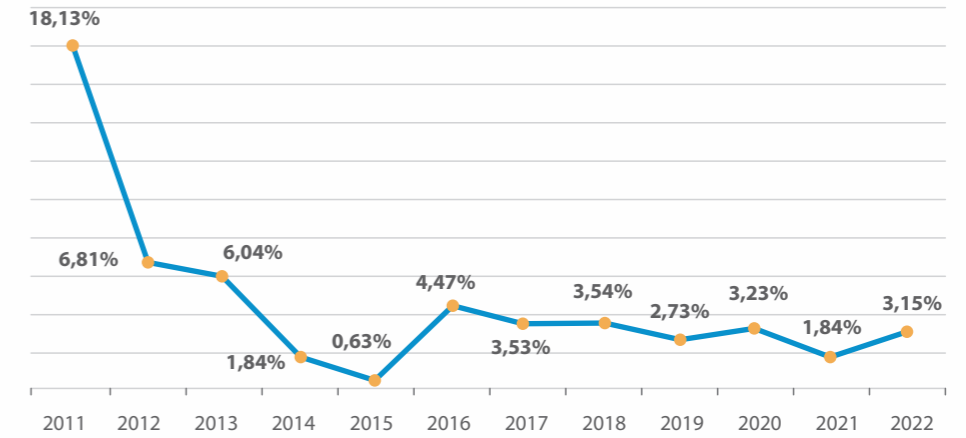
Nguồn: Tổng cục Thống kê

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phụ thuộc vào tốc độ tăng trưởng chung của nền kinh tế và mức độ chi tiêu của người dân. Việt Nam đã tăng trưởng tốt hậu đại dịch Covid-19 bất chấp những bất ổn về chính trị thế giới và lạm phát tăng cao, nhờ đó thu hút được đầu tư và sản xuất từ nước ngoài vào Việt Nam. Tuy nhiên, nền kinh tế Việt Nam năm 2023 lại được đánh giá sẽ gặp nhiều thách thức bởi dự báo suy thoái toàn cầu. Vì vậy, Công ty luôn có bộ phận chuyên môn nghiên cứu cũng như bám sát môi trường kinh tế vĩ mô để đưa ra tư vấn cho ban điều hành xu hướng trong tương lai và những tác động kinh doanh trọng yếu, từ đó đưa ra quyết sách và chiến lược phù hợp.

RỦI RO LẠM PHÁT

Bên cạnh tăng trưởng GDP, chỉ số lạm phát cũng là một yếu tố vĩ mô ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Lạm phát gia tăng sẽ đẩy giá nguyên vật liệu đầu vào cũng như chi phí chung của doanh nghiệp tăng cao, ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp.

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP NĂM 2011 - 2022



Năm 2022 là năm mà nền kinh tế thế giới chứng kiến tỷ lệ lạm phát cao chưa từng có do giá năng lượng tăng cao và các bất ổn chính trị trên toàn cầu. Tuy nhiên, Chính phủ vẫn có thể kiểm chế tỷ lệ lạm phát dưới 4%; thể hiện sự quyết tâm cao độ của Chính phủ trong việc ổn định kinh tế vĩ mô, điều hành giá cả đồng thời thúc đẩy nền kinh tế hậu đại dịch.

Do tác động của lạm phát đến chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, lạm phát luôn là chỉ số vĩ mô mà Công ty quan tâm và theo dõi chặt chẽ để đưa ra các điều chỉnh kịp thời đối với hoạt động kinh doanh của mình.

RỦI RO LÃI SUẤT

Lãi suất là biến số kinh tế nhạy cảm, sự thay đổi của lãi suất sẽ tác động làm thay đổi hành vi sản xuất và tiêu dùng của xã hội. Đối với một doanh nghiệp, rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí đi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành tùy theo cơ cấu nợ vay của ngành đó.

Trong năm 2022, lãi suất cho vay tăng cao do lạm phát ảnh hưởng tiêu cực đến việc thanh toán của khoản vay và cản trở việc tiếp cận các khoản vay mới của các doanh nghiệp, trong đó có Công ty. Theo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, đến Quý IV/2022, lãi suất cho vay bình quân của các ngân hàng thương mại đã vượt ngưỡng 8%/năm. Đây được đánh giá là mức lãi suất rất cao trong một vài năm trở lại đây.

Với mô hình kinh doanh hiện nay của Công ty, việc sử dụng vốn vay là cần thiết. Tuy nhiên, sự biến động lãi suất gây ra rủi ro chi phí đi vay tăng cao ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty. Vì vậy, để hạn chế tác động của lãi suất lên chi phí của Công ty, ban lãnh đạo đã và đang nghiên cứu các kế hoạch tiếp cận các nguồn vốn khác ngoài vốn vay như vốn cổ phần.



RỦI RO PHÁP LUẬT

Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, mọi hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi hệ thống các văn bản pháp luật bao gồm: Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật thương mại và các văn bản pháp luật và các thông tư hướng dẫn liên quan. Đồng thời Công ty cũng tuân theo các quy định pháp lý tại các quốc gia mà công ty có phát sinh hoạt động thương mại, mua bán hàng hóa ... đặc biệt liên quan đến các vấn đề như quy chuẩn chất lượng sản phẩm, quy trình xuất nhập khẩu

Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty có bộ phận pháp lý thường xuyên theo dõi, dự báo, cập nhật các thay đổi của pháp luật và ảnh hưởng đối với các dự án kinh doanh của Công ty. Liên tục đào tạo, bồi dưỡng nhân sự nắm vững chuyên môn pháp lý, bên cạnh đó Công ty đã sử dụng các dịch vụ tư vấn pháp luật nhằm đảm bảo chuẩn bị các thủ tục pháp lý dự án đầu tư cũng như quản trị doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật.



RỦI RO VỀ ĐẶC THÙ NGÀNH

Rủi ro từ nguyên vật liệu

Nguyên liệu chiếm tỷ trọng lớn nhất trong chi phí sản xuất sợi và đặc biệt là bông/polyester chiếm tỷ trọng lớn nhất trong biến động giá nguyên liệu đầu vào của Công ty. Trước tình hình đại dịch toàn cầu, cũng như bất ổn kinh tế, ngành dệt may Việt Nam phải đối mặt với rủi ro vô cùng lớn về tồn kho ở cả nguyên vật liệu và thành phẩm do đây không phải mặt hàng thiết yếu. Hiện tại, Damsan chủ yếu nhập nguyên liệu từ Ấn Độ, nơi có giá thành bông thấp nhất thế giới. Việc Damsan nhập khẩu bông khối lượng lớn từ các doanh nghiệp Ấn Độ sẽ có rủi ro nhất định trong trường hợp các nhà cung cấp Ấn Độ không đáp ứng được yêu cầu giao hàng từ Damsan.



Rủi ro từ cạnh tranh

Trong những năm gần đây, Việt Nam là một trong rất ít quốc gia tại châu Á đã mở rộng hoạt động sản xuất của ngành kéo sợi. Không chỉ có các nhà đầu tư nước ngoài như Textthong Group (Hong Kong), Kyung Bang Việt Nam (Hàn Quốc), Itochu (Nhật Bản) mà cả các doanh nghiệp trong nước như Vinatex, Đại Cường, Phú Bài, Thiên Nam cũng đã tăng vốn đầu tư vào ngành công nghiệp này. Hầu hết các doanh nghiệp xuất khẩu phần lớn lượng sợi sản xuất ra, tình hình cạnh tranh về chất lượng sản phẩm, giá bán diễn ra gay gắt. Không chỉ thế, các hiệp định thương mại tự do sẽ không chỉ tạo ra cơ hội mà cũng thêm nhiều thách thức đối với các doanh nghiệp dệt may vì họ phải đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt từ các doanh nghiệp mới thành lập hoặc mở rộng nhà máy tại Việt Nam để được hưởng lợi ích từ các hiệp định này.

Đối với hoạt động bất động sản, Công ty cũng đối mặt với những rủi ro cạnh tranh nhất định. Cùng với chính sách khuyến khích của Nhà Nước đối với các Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, đầu tư kinh doanh bất động sản, số lượng các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này ngày càng nhiều; thêm vào đó là sự gia tăng áp lực cạnh tranh ngày càng lớn từ các tổ chức nước ngoài có tiềm lực về tài chính mạnh, về quản lý, công nghệ và nhân lực. Hơn nữa, Công ty mới chuyển mình sang hoạt động tại lĩnh vực xây dựng, kinh doanh bất động sản. Bởi vậy, việc phải cạnh tranh trực tiếp với các doanh nghiệp trong ngành là điều tất yếu.



RỦI RO VỀ MÔI TRƯỜNG

Theo nhận định của ban lãnh đạo, rủi ro về môi trường liên quan đến các ngành nghề kinh doanh của Công ty là không cao, tuy nhiên trong hoạt động sản xuất có thể xảy ra một số phát sinh ô nhiễm không khí, tiếng ồn, nguồn nước cho môi trường xung quanh, hơn nữa các rủi ro về môi trường đều có ảnh hưởng về mặt pháp lý, nên Công ty luôn chú trọng việc tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan đến yếu tố môi trường, mỗi dự án đều có các chuyên gia uy tín thẩm định, đánh giá tác động môi trường trước khi thực hiện.



A. RỦI RO KHÁC

Năm 2022, với những diễn biến khó lường của tình hình dịch bệnh Covid-19, việc xem xét các kế hoạch duy trì hoạt động kinh doanh và ứng phó khủng hoảng là điều quan trọng, đồng thời công ty cũng đã chuẩn bị và đưa vào thử nghiệm các kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh khác nhau cho phù hợp với tình hình mới. Để giảm thiểu rủi ro có thể xảy ra, công ty đã thực hiện một chuỗi các kế hoạch hành động, điển hình như các biện pháp giãn cách, tuân thủ các quy định về phòng chống dịch như phát khẩu trang cho nhân viên và khách hàng tới công ty, đo thân nhiệt, bố trí nước sát khuẩn tại các cửa ra vào, phun khử khuẩn và vệ sinh môi trường làm việc để giảm thiểu nguy cơ lây nhiễm.

Dịch bệnh Covid-19 đã ảnh hưởng đến việc giảm và chậm tiến độ thực hiện các dự án, các kế hoạch sản xuất kinh doanh khác của công ty nhằm đảm bảo các quy định an toàn trong công tác phòng chống dịch.

Một số rủi ro mang tính bất khả kháng ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ có tác động đến tình hình kinh doanh của Công ty như các hiện tượng thiên tai (bão lụt, động đất...), rủi ro mang tính địa chính trị.



QUẢN TRỊ RỦI RO

Chính sách quản lý rủi ro được xây dựng trong đó xác định phương pháp tiếp cận đối với rủi ro và quản lý rủi ro. Đồng thời chính sách quản lý rủi ro cũng nêu rõ trách nhiệm trong việc quản lý rủi ro trong toàn bộ doanh nghiệp.

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm xây dựng định hướng chiến lược và cơ cấu cho chức năng quản lý rủi ro nhằm đảm bảo hoạt động hiệu quả nhất cho Công ty

Các bộ phận chức năng trong doanh nghiệp có trách nhiệm trước hết trong việc quản lý rủi ro hàng ngày, gắn kết việc nhận thức và tuyên truyền về quản lý rủi ro trong bộ phận mình công tác. Công ty chú trọng công tác kiểm toán/kiểm soát nội bộ để đảm bảo rằng công tác quản lý rủi ro được thực thi có hiệu quả thông qua việc đánh giá theo chương trình, kế hoạch đã được đề ra.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Thông tin ngành
2. Kết quả sản xuất kinh doanh so với kế hoạch
3. Kết quả kinh doanh qua các năm
4. Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận
5. Ban Tổng Giám đốc
6. Nhân sự và chính sách nhân sự

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Các khoản đầu tư lớn trong năm
2. Tiến độ thực hiện các Dự án của Công ty
3. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

III. CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

1. Cổ phần
2. Cơ cấu cổ đông
3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1. THÔNG TIN NGÀNH

Ngành dệt may đã có mức tăng trưởng ấn tượng trong nửa đầu năm 2022 nhưng lại bước vào giai đoạn khó khăn từ giữa năm 2022. Theo Báo cáo sơ kết 6 tháng đầu năm 2022 của Hiệp hội bông sợi Việt Nam (VCOSA) cho thấy, xuất khẩu hàng dệt may, xơ sợi, vải... của Việt Nam 5 tháng đầu năm 2022 đạt 18,73 tỷ USD, tăng 20,81% so với cùng kỳ 2021. Trong đó, xuất khẩu dệt may đạt 14,99 tỷ USD (tăng 22,2%), xơ sợi 2,37 tỷ USD (tăng 10%), vải địa kỹ thuật 376,8 triệu USD (tăng 27%) và nguyên phụ liệu 979,8 triệu USD (tăng 19,2%). Tuy nhiên, trong nửa cuối năm 2022, các nhà sản xuất sợi là những đơn vị có tăng trưởng lợi nhuận kém tích cực nhất trong toàn ngành dệt may do giá xuất khẩu trung bình bắt đầu giảm mạnh trong tháng 7/2022. Đồng thời số lượng và giá trị các đơn hàng bắt đầu sụt giảm mạnh do áp lực từ lạm phát kéo theo nhu cầu tiêu thụ hàng may mặc trên toàn thế giới sụt giảm, đồng thời các biện pháp giãn cách xã hội Zero COVID tại Trung Quốc càng khiến cho thị trường xuất khẩu xơ sợi của Việt Nam càng thêm ảm đạm trong nửa cuối năm 2022.



Giá trị xuất khẩu sợi Việt Nam năm 2022 ước đạt 4,7 tỷ USD (giảm 16,4% so với 2021). Trong đó, xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc ước đạt 2,2 tỷ USD (giảm 24,1% so với 2021), chiếm 46,8% tỷ trọng xuất khẩu. Các thị trường khác như Hàn Quốc (giảm 14,6% so với 2021) cũng sụt giảm đáng kể.

Hoạt động tiêu thụ sản phẩm sợi trong nước cũng thể hiện sự sụt giảm. Chỉ số tiêu thụ mùng Dệt năm 2022 giảm 7,7% so với 2021 trong khi tồn kho sản phẩm Dệt tăng 29,3% so với 2021. Chỉ số sử dụng lao động mùng Dệt suy giảm mạnh từ cuối Q3 và ước giảm 17,3% so với 2021. Thị trường Trung Quốc ghi nhận đà giảm từ cuối Quý 1/2022. Mặc dù Trung Quốc đã dần nới lỏng và gỡ bỏ việc phong tỏa, tuy nhiên hoạt động sản xuất dệt may nước này vẫn đang thu hẹp. Cập nhật đến hết tháng 12/2022, khối lượng sản xuất mùng dệt và trang phục của Trung Quốc giảm lần lượt -3% và -11,4% so với 2021. Thêm vào đó, căng thẳng thương mại và chính trị Mỹ-Trung khiến thị phần xuất khẩu dệt may của Trung Quốc sang các thị trường phương Tây suy giảm, ảnh hưởng đến tăng trưởng ngành dệt, kéo theo nhu cầu sợi đầu vào suy yếu. Nhu cầu về hàng dệt may trên thế giới bị ảnh hưởng bởi tăng trưởng kinh tế khó khăn trong bối cảnh lạm phát ở các thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam tiếp tục ở mức cao và các Ngân hàng trung ương duy trì tăng lãi suất. Bên cạnh đó, giá cotton cuối tháng 1/2023 đã về quanh mức trung bình giai đoạn 2012-2019 (khoảng 80\$/lb) cho thấy tín hiệu về nhu cầu sụt giảm của chuỗi cung ứng ngành xơ sợi cũng như ngành dệt may nói chung.

2. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH SO VỚI KẾ HOẠCH

Kết thúc năm 2022, Tổng doanh thu hợp nhất đạt 1.638,09 tỷ đồng, chỉ bằng 73,68% kế hoạch đề ra. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 75,01 tỷ đồng, đạt 62,02% kế hoạch đề ra.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2022			
CHỈ TIÊU	KH NĂM 2022 (TỶ ĐỒNG)	TH NĂM 2022 (TỶ ĐỒNG)	TH 2022/ KH 2022 (%)
Doanh thu	2223,31	1.692,56	76,13
Lợi nhuận trước thuế	120,95	74,94	61,96

Nguyên nhân:

Chính sách giãn cách xã hội Zero COVID của Trung Quốc tiếp tục làm sụt giảm mạnh mẽ nhu cầu thu mua nguyên liệu xơ sợi từ Việt Nam. Theo đó ngành sợi khó khăn nối tiếp khó khăn khi xuất khẩu chính vào thị trường Trung Quốc - trung tâm của dịch bệnh Covid 19. Toàn bộ ngành sản xuất cốt lõi của Công ty là sản xuất sợi bị ảnh hưởng lớn do thị trường xuất khẩu lớn nhất của Công ty là Trung Quốc.



3. KẾT QUẢ KINH DOANH QUA CÁC NĂM

BẢNG CHỈ TIÊU KẾT QUẢ KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2018 – 2022							
CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	2018	2019	2020	2021	2022	TĂNG TB 2018-2022 (%)
Tổng tài sản	Tỷ đồng	1.712,91	1.733,48	1.837,89	1.985,17	2.181,69	6,23
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	255,18	255,18	280,69	380,69	437,79	14,45
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.839,11	1.705,14	1.339,01	1.513,15	1.692,56	-2,05
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	1.709,21	1.648,34	1.275,63	1.335,82	1.555,06	-2,34
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	61,51	9,64	28,1	113,61	86,23	8,81
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	56,44	8,28	24,44	100,47	74,94	7,34

Trong năm 2022, tổng tài sản hợp nhất của Công ty là 2.181,69 tỷ đồng (tăng 9,90% so với năm 2021), chủ yếu đến từ tăng trưởng của bất động sản đầu tư và các khoản đầu tư tài chính vào công ty liên doanh, liên kết khác. Tổng số vốn điều lệ của Công ty cũng đã tăng 57 tỷ đồng so với năm 2021, đạt 437,79 tỷ đồng.

Doanh thu thuần hợp nhất trong năm 2022 của Công ty đạt 1.692,56 tỷ đồng, tăng hơn 11,86% so với năm 2021. Tuy nhiên lợi nhuận trước và sau thuế hợp nhất năm 2022 của Công ty lần lượt là 86,23 tỷ đồng (giảm 24,10% so với năm 2021) và 74,94 tỷ đồng (giảm 25,41% so với năm 2021).



4. CƠ CẤU DOANH THU, LỢI NHUẬN

STT	CHỈ TIÊU	2021		2022		2022/2021	
		DTT (Tỷ đồng)	LNG (Tỷ đồng)	DTT (Tỷ đồng)	LNG (Tỷ đồng)	DTT (Tỷ đồng)	LNG (Tỷ đồng)
1	Bán thành phẩm	1.442,38	143,88	1.413,22	40,97	-2,02	-71,52
2	Cung cấp dịch vụ	21,72	15,31	14,97	0,49	-31,08	-96,80
3	Kinh doanh bất động sản	41,9	11,01	264,30	96,05	530,79	772,39
4	Khác	7,14	7,15	0,07	0,00	-99,02	-100,00
	Tổng	1.513,15	177,35	1.692,56	137,51	11,86	-22,46

Cơ cấu doanh thu thuần và lợi nhuận gộp của Công ty đã có sự thay đổi đáng kể. Trong khi mảng hoạt động bán thành phẩm và cung cấp dịch vụ của năm 2022 đều ghi nhận sự sụt giảm cả về doanh thu và lợi nhuận gộp so với năm 2021: Đối với mảng bán thành phẩm của công ty: doanh thu trong năm 2022 giảm 2,02% nhưng lợi nhuận gộp của mảng này giảm mạnh chỉ còn 40,97 tỷ đồng, tương ứng giảm 71,52% so với năm 2021; Đối với mảng cung cấp dịch vụ cũng chỉ ghi nhận một phần lợi nhuận gộp rất mỏng, chỉ khoảng 0,49 tỷ đồng, giảm 96,80% so với năm 2021. Tuy nhiên mảng kinh doanh bất động sản đã đem lại cho công ty mức tăng trưởng ấn tượng. Theo đó doanh thu thuần mảng kinh doanh bất động sản năm 2022 là 264,30 tỷ



5. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông Vũ Huy Đức

Tổng giám đốc

Ngày sinh: 17/10/1979
CMND/CCCD số: 034079008512 – do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 18/12/2019
Địa chỉ: Số 08, Tổ 3, Phường Trần Hưng Đạo, TP. Thái Bình
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Số cổ phần nắm giữ (cổ phiếu)

2.591.295

Tỷ lệ sở hữu

5,92%



Bà Vũ Phương Diệp

Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 02/09/1986
CMND/CCCD số: 013529662 – do CA Hà Nội cấp ngày 21/04/2012
Địa chỉ: Số 28, ngõ 12 đường Phạm Thế Hiển, KĐT II, Trần Hưng Đạo, Thái Bình
Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính

Số cổ phần nắm giữ (cổ phiếu)

105.800

Tỷ lệ sở hữu

0,24%



Ông Vương Quốc Dương

Phó Tổng giám đốc

Ngày sinh: 17/05/1985
CMND/CCCD số: 051085000377 – do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 08/10/2018.
Địa chỉ: Số 28, Ngõ 12 đường Phạm Thế Hiển, KĐT II, Trần Hưng Đạo, Thái Bình
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành Quản trị kinh doanh

Số cổ phần nắm giữ (cổ phiếu)

611.030

Tỷ lệ sở hữu

1,40%



Ông Lê Xuân Chiến

Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 19/10/1983
CMND/CCCD số: 151365101 – do Công an tỉnh Thái Bình cấp ngày 23/07/2013
Địa chỉ: Xóm 1 Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, Thái Bình
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Số cổ phần nắm giữ (cổ phiếu)

297.210

Tỷ lệ sở hữu

0,68%



Bà Phạm Thị Dung

Kế toán trưởng

Ngày sinh: 16/10/1981
CMND/CCCD số: 034181002802 – do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp
Địa chỉ: Thôn Phạm, xã Phú Châu, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Số cổ phần nắm giữ (cổ phiếu)

25.779

Tỷ lệ sở hữu

0,06%

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày 03/01/2022, Hội đồng quản trị Công ty đã thông miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng của ông Lê Xuân Chiến và thay vào đó bổ nhiệm bà Phạm Thị Dung nắm giữ chức vụ Kế toán trưởng của Công ty.

6. NHÂN SỰ VÀ CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

CƠ CẤU NHÂN SỰ

STT	TIÊU CHÍ	ĐVT	NĂM 2022	CƠ CẤU
I	Theo trình độ lao động	Người		
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	Người	145	25%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	Người	70	12%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	Người	43	7%
4	Lao động phổ thông	Người	329	56%
II	Theo đối tượng lao động	Người		
1	Lao động trực tiếp	Người	322	55%
2	Lao động gián tiếp	Người	265	45%
III	Theo giới tính	Người		
1	Nam	Người	305	52%
2	Nữ	Người	282	48%
TỔNG CỘNG		Người	587	100%



CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Về tuyển dụng:

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút được lao động có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp, đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty. Cơ chế tuyển dụng của Công ty luôn đảm bảo cơ hội bình đẳng, khách quan, minh bạch cho tất cả các ứng viên.

Về đào tạo:

Bên cạnh các quy định, quy trình tuyển dụng, Công ty luôn chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực thông qua chính sách đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, kiến thức chuyên môn nghiệp vụ. Hằng năm, Công ty đều xây dựng kế hoạch và tổ chức đào tạo cho cán bộ công nhân viên thông qua các hình thức đào tạo nội bộ và sử dụng các chương trình đào tạo từ bên ngoài ở trong và ngoài nước.

Chế độ làm việc:

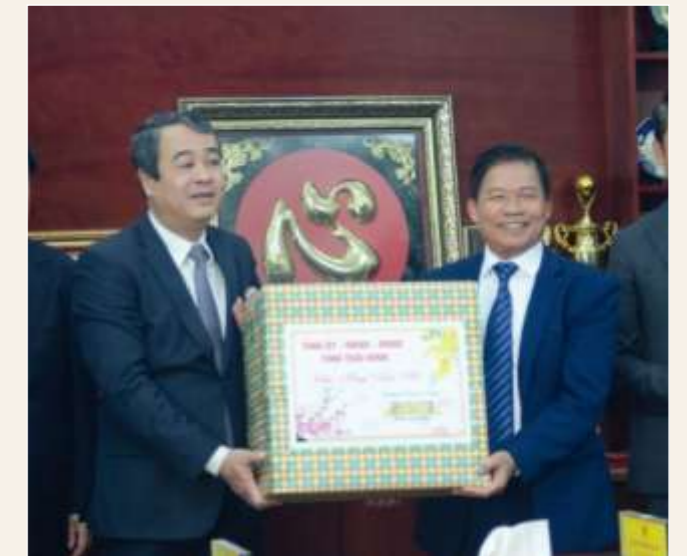
Công ty thực hiện làm việc theo chính sách ca kíp. Công ty chia làm 03 ca/ngày. Công nhân làm việc theo ca với 8 giờ/ngày và 5,5 ngày/tuần. Ngoài ra, khi cần yêu cầu nhân viên làm thêm giờ, Công ty thực hiện các chế độ đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật.

Nhân viên được nghỉ phép nghỉ lễ, Tết, ốm đau, thai sản thực hiện theo quy định của Bộ Luật lao động.

Chính sách lương thưởng, phúc lợi:

Công ty xây dựng chính sách lương, thưởng phù hợp với từng vị trí công việc, kỹ năng, trình độ chuyên môn của cán bộ công nhân viên nhằm đánh giá đúng năng lực và kết quả công việc của từng cá nhân trong công ty, đồng thời tạo động lực khuyến khích cán bộ công nhân viên phát huy năng lực, trách nhiệm để nâng cao năng suất, chất lượng hiệu quả công việc. Ngoài các chính sách lương thưởng, phúc lợi theo quy định của pháp luật, cán bộ công nhân viên Công ty còn được hưởng một số quyền lợi ưu đãi khác như ưu tiên mua cổ phiếu, trái phiếu của Công ty. Mức độ ưu đãi tùy thuộc vào mức độ đóng góp của từng cá nhân cho Công ty và do Đại hội đồng cổ đông quy định.

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động về bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp,... theo quy định hiện hành của pháp luật lao động và tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.



II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN TRONG NĂM

Trong năm 2022, Công ty đã thực hiện một số khoản đầu tư góp vốn vào các công ty liên doanh, liên kết như sau:

STT	TÊN CÔNG TY	HÌNH THỨC ĐẦU TƯ	GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ THÊM TRONG NĂM 2022 (TỶ ĐỒNG)
1	CTCP Đầu tư Thái Bình Cầu Ngàn	Góp thêm vốn	76
2	CTCP Đầu tư An Ninh Thái Bình	Góp thêm vốn	48
3	CTCP Tập đoàn Năng lượng xanh AD	Góp thêm vốn	39,6

2. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN CỦA CÔNG TY

Trong năm 2022, Công ty đã tích cực triển khai xây dựng các dự án đầu tư, tình hình cụ thể của các dự án như sau:

Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp tại xã An Ninh, huyện Tiên Hải (Cụm công nghiệp An Ninh): tính đến cuối năm 2022 đã hoàn thành xong các hạng mục xây dựng cơ bản, các khu nhà xưởng chính (đạt 95-100%), hiện tại chỉ còn một số hạng mục hạ tầng kỹ thuật nội bộ mới đạt tiến độ xây dựng khoảng 50%. Công ty dự kiến trong năm 2023 sẽ hoàn thiện xong tất cả các hạng mục còn lại của dự án Cụm công nghiệp An Ninh.



Dự án xây dựng nhà ở thương mại tại Xã Phú Xuân, Thành phố Thái Bình với quy mô 246 căn hộ liền kề và 74 căn biệt thự, có tổng mức đầu tư 800 tỷ đồng; Tính đến cuối năm 2022, dự án đã hoàn thành xây dựng đạt khoảng 74% (Đã hoàn thiện 281 lô, dự kiến xây dựng đạt 100% trong năm 2023).



Dự án nhà ở thương mại tại Tổ 39-40 Phường Quang Trung với quy mô 39 căn hộ liền kề, Tổng mức đầu tư 132 tỷ đồng; Đối với giai đoạn 1, công ty đã hoàn thành xong xây dựng hạ tầng kỹ thuật, đạt được khoảng 83% hạng mục xây dựng nhà ở. Công ty phấn đấu trong năm 2023 sẽ triển khai nốt các hạng mục còn lại và đạt tiến độ 100% đối với giai đoạn 1 của dự án.

Dự án nhà ở thương mại tại Hợp tác xã Hữu nghị Phường Bồ Xuyên – TP Thái Bình quy mô 48 căn hộ liền kề, tổng mức đầu tư 152 tỷ đồng; Đã hoàn thành xây dựng 20 lô, Công ty dự kiến triển khai nốt các hạng mục còn lại trong năm 2023.

Dự án Thái Bình - Cầu Ngàn: Sản lượng thực hiện tính đến 31/12/2023 đạt 45 tỷ đồng.



3. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	2021	2022
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,24	1,22
- Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,80	0,90
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số nợ/tổng tài sản	%	70,59	69,88
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	%	239,98	232,02
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho	vòng	2,56	3,06
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	vòng	0,79	0,81
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	6,64	4,43
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH (ROE)	%	19,98	12,08
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS (ROA)	%	5,26	3,60
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần	%	7,24	2,90

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Trong năm 2022, các chỉ số về thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh của Công ty không có nhiều thay đổi. Chỉ số thanh toán ngắn hạn năm 2022 là 1,22 và của 2021 là 1,24. Chỉ số thanh toán nhanh năm 2022 là 0,90 và của 2021 là 0,80. Nhìn chung, Công ty vẫn đáp ứng được nhu cầu thanh toán các khoản nợ ngắn hạn trong năm.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Cơ cấu vốn nợ/tổng tài sản và nợ/tổng vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm qua không có sự thay đổi lớn. Trong đó, Công ty sử dụng nợ là nguồn vốn chủ yếu cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đặc biệt là nợ ngắn hạn. Hệ số nợ/tổng tài sản năm 2022 là 69,88% so với năm 2021 là 70,59%, cho thấy Công ty tận dụng khá tốt đòn bẩy tài chính để đầu tư cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Trong năm 2022, các chỉ số về khả năng sinh lời của công ty đều sụt giảm: các hệ số ROS, ROE và ROA của công ty giảm về mức tương ứng lần lượt là 4,43%, 12,08% và 3,6%.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho năm 2022 là 3,06 vòng. Chỉ tiêu doanh thu thuần/Tổng tài sản giữ nguyên ở mức 0,81 lần.



III. CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

1. CỔ PHẦN

Mã cổ phiếu	▶ ADS
Vốn điều lệ	▶ 437.790.340.000 ĐỒNG
Số cổ phần phổ thông	▶ 43.799.034 CỔ PHẦN
Số cổ phần ưu đãi	▶ 0 CỔ PHẦN
Số cổ phần đang lưu hành	▶ 43.799.034 CỔ PHẦN
Số cổ phiếu quỹ	▶ 0 CỔ PHIẾU
Mệnh giá	▶ 10.000 ĐỒNG/CỔ PHẦN

2. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

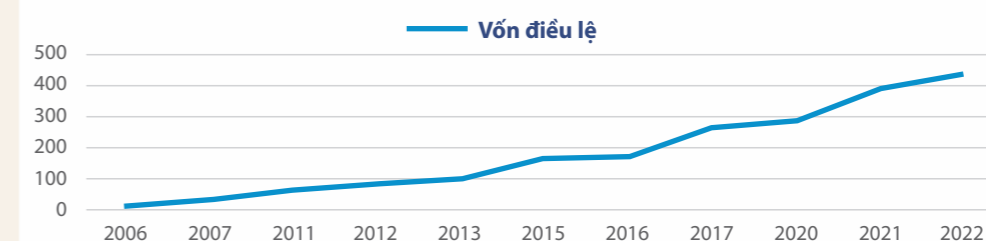
BẢNG CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (31/12/2022)					
STT	TÊN CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	GIÁ TRỊ (MỆNH GIÁ)	TỶ LỆ (%)	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG
1	Cổ đông lớn	13.256.043	132.560.430.000	30,28	3
2	Cổ đông nhỏ	30.522.991	305.229.910.000	69,72	4.162
	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0
	Tổng	43.779.034	437.790.340.000	100,00	4.165
1	Cổ đông trong nước	43.045.631	430.456.310.000	98,33	4.135
1.1	Cổ đông tổ chức	669.749	6.697.490.000	1,53	42
1.2	Cổ đông cá nhân	42.375.882	423.758.820.000	96,80	4.093
2	Cổ đông nước ngoài	733.403	7.334.030.000	1,67	30
	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0
	Tổng	43.779.034	437.790.340.000	100	4.165

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN (31/12/2022)				
Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
Ông Vũ Huy Đông	034055003633	Số 8, Trần Bình Trọng, Thái Bình	8.005.465	18,29%
Ông Vũ Huy Đức	034079008512	Số nhà 52, Ngõ 74 Trần Nhật Duật, Tổ 35, p.Bồ Xuyên, TP Thái Bình	2.591.295	5,92%
Ông Đỗ Đức Khang	033079001978	51/F Làng Yên Phụ - P Yên Phụ, Quận Tây Hồ, Hà Nội	2.659.283	6,07%
Cộng			13.256.043	30,28%
TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TỐI ĐA TẠI CÔNG TY LÀ 50%.				

3. TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Kể từ ngày thành lập, Công ty đã trải qua những lần tăng vốn như được trình bày dưới đây:

Năm	Vốn điều lệ (VNĐ)	Nội dung tăng vốn
2006	12.000.000.000	Vốn điều lệ đăng ký thành lập
2007	32.329.000.000	Cổ đông hiện hữu
2010	60.000.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
2012	80.700.000.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ
2013	100.700.000.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ
2015	160.700.000.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ
2016	168.734.810.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức 2015
2017	255.178.010.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu, phát hành riêng lẻ
2020	280.694.500.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức 2019
2021	380.694.500.000	Chào bán cổ phiếu ra công chúng
2022	437.790.340.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức 2021



4. CHỨNG KHOÁN KHÁC

Trong năm 2022, Công ty đã phát hành trái phiếu chuyển đổi với tổng giá trị phát hành theo mệnh giá là 100 tỷ đồng. Thông tin về đợt phát hành trái phiếu trên như sau:

MÃ TRÁI PHIẾU	▶ ADSH2224001
MỆNH GIÁ	▶ 1.000.000 ĐỒNG/TRÁI PHIẾU
TỔNG GIÁ TRỊ PHÁT HÀNH	▶ 100 TỶ ĐỒNG
KỶ HẠN	▶ 02 NĂM
NGÀY PHÁT HÀNH	▶ 21/03/2022
LÃI SUẤT	▶ 4%/NĂM
LOẠI HÌNH TRÁI PHIẾU	▶ TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI THÀNH CỔ PHIẾU, KHÔNG KÈM CHỨNG QUYỀN, KHÔNG CÓ TÀI SẢN ĐẢM BẢO.
MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG VỐN TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU	▶ TRẢ NỢ VAY NGÂN HÀNG.
CÁC CAM KẾT CHƯA THỰC HIỆN LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU	▶ KHÔNG CÓ.





BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

I. NHỮNG THÁCH THỨC VÀ THUẬN LỢI TRONG NĂM 2021

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2021

III. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

IV. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2022

V. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ MỚI

VI. KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH PHỤC VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH - ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

VII. GIẢI PHÁP VÀ BIỆN PHÁP ĐỂ THỰC HIỆN ĐƯỢC CÁC MỤC TIÊU KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2022

I. NHỮNG THÁCH THỨC VÀ THUẬN LỢI TRONG NĂM 2022

THÁCH THỨC

Năm 2022 kinh tế thế giới đứng trên bờ vực suy thoái, xung đột Nga-Ukraine đã tạo ra khủng hoảng cho nền kinh tế toàn cầu, tuy doanh nghiệp dệt may tăng trưởng tốt trong nửa đầu năm, song lại gặp rất nhiều khó khăn trong 6 tháng cuối năm. Trong 6 tháng cuối năm 2022, các thị trường chính của dệt may Việt Nam rơi vào lạm phát, sức mua suy giảm mạnh, đến quý IV, đơn hàng đã giảm đến 30%, có doanh nghiệp giảm đến 70% đơn hàng ở thị trường châu Âu. Đơn hàng may giảm xuống do cấu thể giới giảm, đặc biệt là tại 2 thị trường Mỹ và EU, những thị trường chính của dệt may Việt Nam, giá giảm khoảng 30%... Ngoài ra, bất lợi về tỷ giá với các đối thủ cạnh tranh, tình trạng thiếu lao động sau đại dịch, yêu cầu truy soát nguồn gốc bông, vải, sợi hay xanh hóa dệt may từ các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới cũng là những thách thức mà doanh nghiệp dệt may Việt Nam phải đối mặt.



THUẬN LỢI

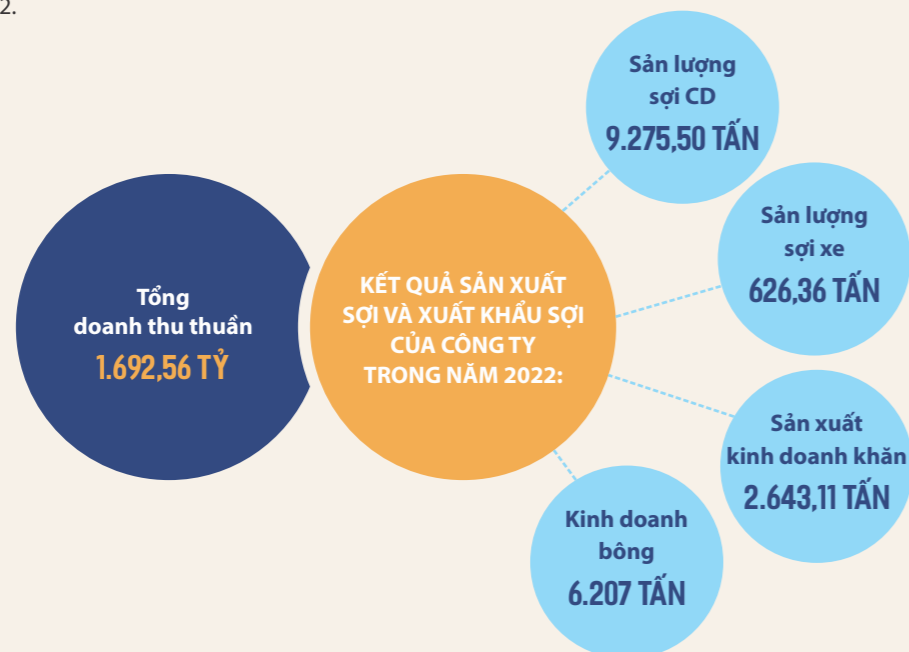
Các dự án bất động sản của Công ty đã và đang được triển khai theo kế hoạch. Trong năm 2023 Công ty đặt kế hoạch hoàn thành xong các dự án bất động sản trọng điểm mà công ty đang thực hiện triển khai.



Công ty cũng được hưởng những thuận lợi từ thị trường: Với việc bắt đầu thực hiện chính sách nới lỏng Zero Covid của Trung Quốc, kỳ vọng thị trường xuất khẩu sợi của Việt Nam sẽ bước vào chu kỳ ổn định và tăng trưởng trở lại trong thời gian tới.

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2022

Với tình hình sản xuất kinh doanh gặp rất nhiều khó khăn do những tác động trực tiếp từ Dịch bệnh Covid 19, tình trạng lạm phát toàn cầu tăng mạnh khiến cho giá nguyên liệu tăng, quy mô thị trường tiêu thụ giảm...vv, Ban điều hành đã phát huy tinh thần đoàn kết, tập trung sự chỉ đạo tích cực triển khai các nghị quyết của Hội đồng quản trị, thực hiện kiện toàn bộ máy tổ chức và tìm hướng tháo gỡ những khó khăn trong năm 2022.



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH HỢP NHẤT NĂM 2022 (Đơn vị tính: Tỷ đồng)				
STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% +/- 2022/2021
1	Tổng tài sản	1.985,17	2.181,69	↑ 9,90
2	Vốn chủ sở hữu	583,9	657,09	↑ 12,53
3	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.513,15	1.692,60	↑ 11,86
	Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	1.442,38	1.413,25	↓ -2,02
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	21,72	14,97	↓ -31,08
	Doanh thu từ BĐS	41,90	264,30	↑ 530,79
	Doanh thu khác	7,15	0,07	↓ -99,02
4	Lợi nhuận trước thuế	113,61	86,23	↓ -24,10
5	Lợi nhuận sau thuế	100,47	74,94	↓ -25,41

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2022)

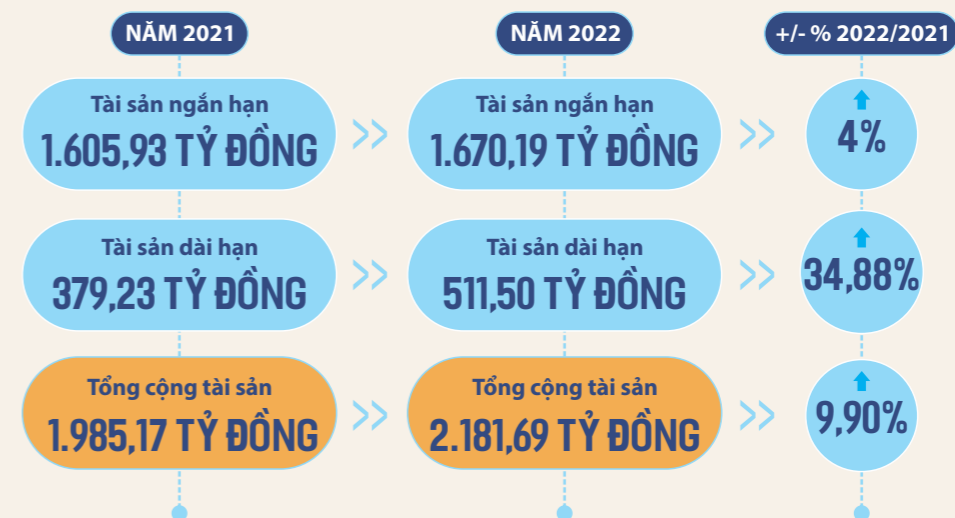
Về quy mô tổng tài sản hợp nhất của Công ty, năm 2022 giá trị tổng tài sản của Công ty đạt mức 2.181,69 tỷ đồng, tăng 9,90% so với năm 2021.

Doanh thu hợp nhất của Công ty đạt hơn 1.692,60 tỷ đồng, tăng 11,86% so với năm 2021, trong đó doanh thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 264,30 tỷ đồng, tăng trưởng mạnh mẽ 530,79% so với năm 2021.

Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Công ty đạt 74,94 tỷ đồng, giảm 25,31% so với năm 2021.

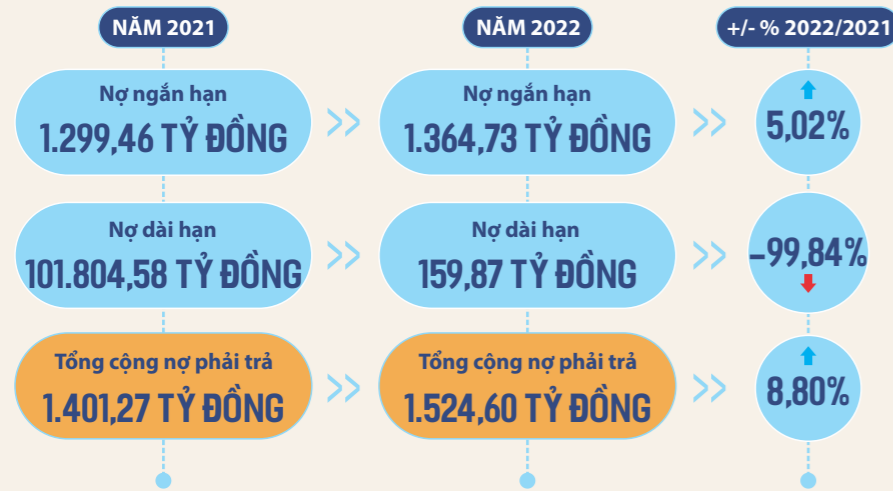
III. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

VỀ tình hình tài sản



Năm 2022, tổng tài sản hợp nhất của công ty đạt 2.181,69 tỷ đồng, tăng 9,90% so với năm 2021, chủ yếu do ghi nhận thêm nhiều khoản đầu tư tài chính dài hạn. Cơ cấu tài sản chủ yếu là tài sản ngắn hạn chiếm 76,55% (chủ yếu gồm hàng tồn kho, các khoản phải thu và tiền), tài sản dài hạn chiếm 23,45% (chủ yếu là tài sản cố định và các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

VỀ TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ



Tổng nợ phải trả hợp nhất của công ty năm 2022 là 1.524,60 tỷ đồng, tăng 8,80% so với năm 2021. Cơ cấu nợ chủ yếu là nợ ngắn hạn với giá trị 1.364,73 tỷ đồng, chiếm 89,51% tổng nợ phải trả. Trong cơ cấu nợ ngắn hạn, chiếm tỷ lệ chính là các khoản phải trả ngắn hạn khác và vay, nợ thuê tài chính ngắn hạn. Đối với khoản mục nợ dài hạn, cơ cấu chủ yếu là giá trị dư nợ vay ngân hàng và trái phiếu chuyển đổi.

Công ty không có nợ phải trả quá hạn.

IV. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2023

1. ĐIỀU HÀNH VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY TRONG NĂM 2023

Năm 2022 trôi qua để lại nhiều thách thức đối với nền kinh tế của Việt Nam cũng như trên thế giới. Tình trạng lạm phát tăng cùng với việc đứt gãy chuỗi cung ứng từ khủng hoảng xung đột Nga – Ukraine đã khiến cho toàn bộ nền sản xuất của các quốc gia đều bị ảnh hưởng nghiêm trọng và chưa có dấu hiệu hồi phục. Để thích ứng với tình trạng khó khăn chung này, HĐQT và Ban lãnh đạo Công ty đã có chủ trương điều hành và quản trị Công ty như sau:

HĐQT đã đưa ra chủ trương chuyển mô hình quản trị công ty, đưa mô hình công ty từ trực tiếp sang văn phòng điều hành và định hướng sang nhận diện thương hiệu theo ngành xây dựng các nhóm công ty theo từng lĩnh vực

- Lĩnh vực Dệt may (Sản xuất sợi cotton, khăn bông xuất khẩu, ...) Qua các công ty con là Công ty cổ phần Sợi Eiffel, Công ty cổ phần sợi An Ninh
- Lĩnh vực Bất động sản đô thị và công nghiệp (Xây dựng khu đô thị, phát triển cụm CN, Đường giao thông) Qua các công ty Cổ phần Damsan, Công ty cổ phần sợi Eiffel, Công ty cổ phần đầu tư thái bình Cầu nghìn
- Lĩnh vực Điện năng lượng tái tạo (Sản xuất tấm pin năng lượng, đèn led...) Qua công ty cổ phần tập đoàn năng lượng xanh AD



Về tài chính: đa dạng hóa nguồn vốn, đảm bảo chi phí vốn ở mức thấp, cân đối sử dụng dụng an toàn, hiệu quả, bền vững.

Về nhân sự: xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, chú trọng công tác tuyển dụng và đào tạo, nâng cao các lớp đào tạo kỹ năng cho cán bộ quản lý. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp rõ nét, nâng cao ý thức và kỷ luật người lao động, tăng năng suất lao động.

Về kinh doanh: bám sát diễn biến thị trường, linh hoạt trong xử lý tình huống, đa dạng thị trường tiêu thụ và phát triển khách hàng.

Về công nghệ: Đối với những dây chuyền cần thay thế hoặc các dự án đầu tư mới, thực hiện đầu tư công nghệ mới, hiệu suất cao, sử dụng năng lượng thấp, tính năng tự động hóa cao.

Về quản trị điều hành: Nâng cao năng lực quản trị điều hành, tiếp cận các chuẩn mực quốc tế, ban hành các quy chế, quy trình rõ ràng, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn, hiệu quả, bền vững.

2. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH CÔNG TY HỢP NHẤT NĂM 2023

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023	KH 2023/TH 2022 (%)
1	Doanh thu thuần	1.692,56	2.984,11	↑ 76,31
2	Lợi nhuận trước thuế	86,24	110,09	↑ 27,66
3	Tỷ lệ cổ tức (dự kiến)	15%	15%	→ -
4	Thu nhập bình quân	7.500.000 đồng/người	8.000.000 đồng/người	↑ 6,66

V. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ MỚI

1. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT

- Tập trung khai thác đầu tư hoàn thiện các nhà máy sợi (nâng công suất từ 12.000 tấn/năm lên 20.000 tấn/năm).
- Khai thác và triển khai sản xuất các sản phẩm dệt may hoàn tất: khăn và chăn ga, nâng công suất của khăn lên 3.000 tấn/năm; phát triển xây dựng sản phẩm chăn ga giai đoạn 2023-2025 vào thị trường Nhật Bản và Châu Âu.
- Tiếp tục thực hiện triển khai sản xuất thông qua các công ty thành viên: Công ty Cổ phần Sợi Eiffel, Công ty Cổ phần Đầu tư An Ninh Thái Bình, Công ty CP Tập đoàn năng lượng xanh AD, Viện Dệt may...
- Mục tiêu từ 2023 năng lực sản xuất và xuất khẩu đạt 100 triệu USD/năm tăng trưởng 20-30% giai đoạn 2023-2025.



2. ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN

- Với lĩnh vực bất động sản đô thị hoàn thiện các dự án hiện có, xây dựng thương hiệu Công ty Cổ phần Damsan là doanh nghiệp bất động sản số 1 tại tỉnh Thái Bình, đồng thời triển khai phát triển 1 số khu dân cư tại tỉnh Thái Bình và các tỉnh lân cận.
- Với lĩnh vực kinh doanh nhà ở xã hội: đẩy mạnh triển khai xây dựng nhà ở xã hội tại tỉnh Thái Bình. Dự kiến 2023-2025 hoàn thiện 02 tòa nhà tại Khu dân cư Phú Xuân đồng thời mở rộng triển khai nhà ở xã hội tại các tỉnh lân cận là Nam Định và Hưng Yên.
- Với bất động sản công nghiệp: phát triển quỹ đất công nghiệp từ 50ha lên 200ha trong giai đoạn 2022-2023 và nâng lên 600ha giai đoạn 2025. Phần đầu Công ty là nhà cung cấp bất động sản công nghiệp lớn tại tỉnh Thái Bình và các tỉnh bạn
- Bất động sản giao thông: xây dựng thương hiệu của Công ty Damsan thông qua dự án đường Thái Bình – Cầu Ngần. Đồng thời nghiên cứu tham gia xây dựng, phát triển một số công trình giao thông trọng điểm của tỉnh Thái Bình.

3. PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO

- Đầu tư nghiên cứu mở rộng lĩnh vực năng lượng tái tạo thông qua Công ty Cổ phần Tập đoàn năng lượng xanh AD tại Cụm công nghiệp An Ninh với định hướng là sản phẩm chủ lực trong giai đoạn 2023-2025 của Công ty, xuất khẩu vào thị trường Mỹ và Châu Âu với doanh số đạt từ 150-300 triệu USD/năm với sản phẩm chủ yếu và tấm pin năng lượng và các sản phẩm hoàn tất năng lượng mặt trời.
- Nghiên cứu sản phẩm thuộc lĩnh vực điện tử ưu tiên sử dụng năng lượng sạch.

4. GIẢI PHÁP VÀ BIỆN PHÁP ĐỂ THỰC HIỆN ĐƯỢC CÁC MỤC TIÊU KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2023

Nhằm tối đa hóa lợi nhuận năm 2023, Ban Điều hành Công ty đã có kế hoạch và các biện pháp giải pháp thực hiện các mục tiêu để ra ngay từ đầu năm, cụ thể:

- Tổ chức triển khai sản xuất kinh doanh theo hướng khai thác công suất cao nhất của các nhà máy sợi, máy dệt, xưởng khăn, đảm bảo chất lượng tốt nhất và chi phí giảm tối đa, nhằm duy trì sản lượng ổn định và thực hiện bảo dưỡng máy móc thiết bị ở mức an toàn.
- Theo dõi thị trường để có những điều chỉnh về giá cả, kế hoạch vật tư phù hợp, đảm bảo hiệu quả kinh doanh cao nhất.
- Bám sát các cơ quan nhà nước để hoàn thiện thủ tục hồ sơ các dự án, kịp thời giải đáp và cung cấp các hồ sơ liên quan để các cơ quan chức năng phê duyệt hồ sơ để triển khai theo kế hoạch.



5. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Đánh giá liên quan đến chỉ tiêu môi trường: Công ty luôn tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường. Trong năm 2022:

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Năm 2022, Công ty luôn chăm lo đời sống cho Người lao động, thực hiện đầy đủ chế độ thưởng các ngày lễ trong năm, sinh nhật, sinh hoạt tập thể nhằm gắn kết Người lao động tạo sức mạnh to lớn để hoàn thành toàn diện các mục tiêu kinh doanh của Công ty.

Bên cạnh ý thức thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường hướng đến sự phát triển bền vững, Công ty còn quan tâm tới các hoạt động nhân đạo, từ thiện, đền ơn đáp nghĩa với mong muốn đóng góp vì một cuộc sống chất lượng hơn - hạnh phúc hơn. Năm 2022, CTCP Damsan nhận được bằng khen của Chủ tịch Ủy ban Nhân Dân Tỉnh Thái Bình tuyên dương đơn vị có thành tích tiêu biểu trong công tác an sinh xã hội năm 2022, góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.



BÁO CÁO CỦA HĐQT

1. Đánh giá tình hình kinh tế vĩ mô, ngành
2. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh
3. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc
4. Định hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022

I. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ MỌI MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ, NGÀNH

Kinh tế – xã hội nước ta năm 2022 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới đang phải đối mặt với những thách thức lớn, biến động nhanh, khó lường và tính bất ổn cao; lạm phát đã tăng lên mức cao nhất trong nhiều thập kỷ buộc các quốc gia phải thắt chặt chính sách tiền tệ. Tuy vậy, nền kinh tế của Việt Nam trong năm qua đã có sự phục hồi mạnh mẽ, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát trong tầm kiểm soát, các cân đối lớn được bảo đảm. Môi trường đầu tư kinh doanh cải thiện góp phần tích cực cho phục hồi và phát triển kinh tế – xã hội, tạo được sự tin tưởng, ủng hộ của nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp. Một số ngành đã có mức tăng trưởng cao hơn năm trước khi có dịch Covid-19. Theo thông báo của Tổng cục Thống kê, Việt Nam có một điểm sáng nổi bật là GDP năm 2022 ước tính tăng 8,02%, đạt mức tăng cao nhất kể từ năm 2011 do nền kinh tế đã khôi phục trở lại.

Tuy nhiên, đối với ngành dệt may và sản xuất sợi, năm 2022 lại là một năm cực kỳ khó khăn và bất ổn. Nhu cầu tại 2 thị trường lớn nhất là Mỹ (lạm phát) và EU (khủng hoảng năng lượng) sụt giảm trong khi lượng hàng tồn kho cao, nhiều đơn hàng bị hủy. Sức mua khó hồi phục trong vòng 1 năm tới. Nhiều doanh nghiệp đóng dây chuyền, cắt giảm nhân công để giảm chi phí do việc thiếu đơn hàng. Với việc lượng hàng tồn kho vẫn ở mức cao cùng với nhu cầu sụt giảm do lạm phát, ngành dệt may nói chung và sản xuất sợi nói riêng sẽ không chỉ khó khăn trong các tháng cuối năm 2022 mà có thể sang cả năm 2023. Khó khăn chỉ kết thúc khi nhu cầu sử dụng hàng may mặc hồi phục trở lại ở các thị trường chính như Hoa Kỳ, châu Âu... tuy nhiên điều này chưa thấy có tín hiệu khả quan nào xuất hiện.



Đối với ngành bất động sản, Từ giữa cuối II/2022, thị trường bất động sản bắt đầu ghi nhận những dấu hiệu trầm lắng. Hàng loạt các chính sách thắt chặt về tín dụng, trái phiếu doanh nghiệp cùng lãnh đạo một số doanh nghiệp vướng vào lao lý đã khiến tâm lý chung trên thị trường e ngại, mọi giao dịch bị trì hoãn, các dự án đang triển khai phải tạm dừng đột ngột. Theo đó, nếu không sớm có các giải pháp điều chỉnh, hỗ trợ kịp thời, hiệu quả từ phía Nhà nước, đi đôi với nỗ lực tái cấu trúc, tái cơ cấu của từng doanh nghiệp bất động sản về đầu tư, sản phẩm hướng đến nhu cầu thực, thị trường bất động sản sẽ còn khó khăn hơn nữa, nguy cơ từ suy giảm đến suy thoái là rất lớn.



Đối với ngành năng lượng tái tạo, trong năm 2022, năng lượng tái tạo (bao gồm thủy điện, điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối), mặc dù các điều kiện ưu đãi về cơ chế mua điện FIT (cơ chế khuyến khích phát triển của Chính phủ) đều đã hết hiệu lực, vẫn tiếp tục phát triển và các công việc chuẩn bị đầu tư, hoàn thiện các dự án... Ước tính đến hết tháng 12/2022, sản lượng điện phát của năng lượng tái tạo (NLTT) dự kiến đạt được 130 tỷ kWh, chiếm tỷ trọng gần 48% sản lượng điện phát của hệ thống điện Việt Nam. Mặc dù điện gió có sự đóng góp đáng kể cho sản lượng điện phát trong năm 2022 so với 2021, năm 2022 cũng là một năm đặc biệt khó khăn cho các chủ đầu tư nhà máy điện năng lượng tái tạo do không kịp đóng điện kịp tiến độ sau khi quy định FIT (biểu giá điện hỗ trợ) hết hiệu lực. Thị trường đang trong giai đoạn “chờ” các quy định pháp lý về việc hỗ trợ phát triển điện năng lượng tái tạo từ phía cơ quan quản lý. Tốc độ phát triển cũng như nhu cầu đầu tư tấm pin năng lượng mặt trời (là lĩnh vực mà Công ty đang tích cực đầu tư) sẽ phụ thuộc rất lớn từ các quy định trên. Mặc dù vậy thị trường điện năng lượng tái tạo được đánh giá là vẫn còn rất nhiều dư địa phát triển và được nhiều nhà đầu tư quốc tế và trong nước đặc biệt quan tâm trong thời gian tới.



2. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu	Đơn vị	2021	2022	% Tăng trưởng
Tổng tài sản	Tỷ đồng	1.985,17	2.181,69	↑ 9,90
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	380,69	437,79	↑ 15,00
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1513,15	1.692,56	↑ 11,86
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	1.335,82	1.555,06	↑ 16,41
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	113,61	86,23	↓ -24,10
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	100,47	74,94	↓ -25,41



3. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Damsan đã thực hiện giám sát hoạt động của Ban điều hành khi thực hiện triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị như sau: Hội đồng quản trị kết hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát và các giám đốc, người điều hành các đơn vị nắm rõ tình hình hoạt động của công ty để từ đó có những kiến nghị thiết thực giúp Tổng Giám đốc/Ban Tổng giám đốc hoàn thành tốt nhiệm vụ Đại Hội đồng Cổ đông và Hội đồng quản trị giao. Định kỳ đại diện Ban Kiểm soát báo cáo tại các cuộc họp Hội đồng quản trị: tình hình quản lý sản xuất kinh doanh tại các bộ phận/đơn vị trong công ty; các rủi ro trọng yếu được phát hiện trong quý đồng thời đưa ra kế hoạch hành động để khắc phục và giảm thiểu rủi ro; báo cáo các cuộc kiểm toán đã thực hiện trong quý, trong đó nêu các phát hiện kiểm toán và giải pháp khắc phục. Qua đó Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát đánh giá kế hoạch hành động cũng như các giải pháp khắc phục có phù hợp với thực tế chưa để từ đó đưa ra các kiến nghị mang tính chất thực tiễn hơn. Định kỳ nghe các Giám đốc/điều hành đơn vị thực hiện báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện các chỉ tiêu được giao trong các cuộc họp Hội đồng quản trị, kịp thời phát hiện những bất cập, khó khăn để đưa ra hướng giải quyết. Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết sau các buổi họp định kỳ và theo yêu cầu để thông qua kết quả hoạt động kinh doanh từng quý, nhận định

tình hình thị trường để từ đó rà soát lại kế hoạch kinh doanh quy tiếp theo và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị để Tổng Giám đốc/Ban Tổng giám đốc có cơ sở triển khai thực hiện.

Đánh giá chung căn cứ Điều lệ, những quy chế và quy định đã ban hành, Hội đồng quản trị giao quyền cho Ban Tổng giám đốc quyết định công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty đồng thời tổ chức thực hiện các quyết định, kế hoạch kinh doanh và phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị và Đại Hội đồng Cổ đông giao cho. Thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát bằng các báo cáo định kỳ mỗi quý về kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình hoạt động Công ty và các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu, Hội đồng quản trị đánh giá Tổng Giám đốc/Ban Tổng giám đốc đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông và Hội đồng quản trị đồng thời thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông. Ban điều hành công ty đã rất nỗ lực và đã hoàn thành xuất sắc các hoạt động quản trị điều hành cũng như các chỉ tiêu kinh doanh đặt ra. Đồng thời cũng thực hiện tốt việc xây dựng môi trường kinh doanh dựa trên nền tảng phát triển bền vững, nâng cao công tác quản trị Công ty, nâng cao vai trò quản trị và kiểm soát rủi ro.

4. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023

Mục tiêu:

Xây dựng Công ty Cổ phần Damsan vững mạnh hơn, hiệu quả hơn trên cơ sở sử dụng hợp lý các nguồn lực; nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, liên kết cao hơn về tài chính, công nghệ và thị trường;

Xây dựng đội ngũ lãnh đạo có bản lĩnh và chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng đội ngũ quản lý kinh doanh và chuyên gia giỏi.



Định hướng thực hiện:

HĐQT đã đưa ra chủ trương chuyển mô hình quản trị Công ty, đưa mô hình Công ty từ trực tiếp sang văn phòng điều hành và định hướng sang nhận diện thương hiệu theo ngành: Dệt may; Bất động sản đô thị và công nghiệp; Bất động sản giao thông, nhằm phát huy mọi khả năng của đội ngũ quản lý và người lao động tại Công ty:

VỀ NGUỒN VỐN	VỀ NGUỒN LỰC DỰ KIẾN	VỀ CÔNG NGHỆ	VỀ KINH DOANH	VỀ QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH
Đa dạng hóa nguồn vốn, đảm bảo chi phí vốn ở mức thấp, cân đối sử dụng an toàn, hiệu quả, bền vững.	Xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, chú trọng công tác tuyển dụng và đào tạo, nâng cao các lớp đào tạo kỹ năng cho cán bộ quản lý; Xây dựng văn hóa doanh nghiệp rõ nét, nâng cao ý thức và kỷ luật người lao động, tăng năng suất lao động.	Đối với những dây chuyền cần thay thế hoặc các dự án đầu tư mới, thực hiện đầu tư công nghệ mới, hiệu suất cao, sử dụng năng lượng thấp, tính năng tự động hóa cao.	Bám sát diễn biến thị trường, linh hoạt trong xử lý tình huống, đa dạng thị trường tiêu thụ và phát triển khách hàng.	Nâng cao năng lực quản trị điều hành, tiếp cận các chuẩn mực quốc tế, ban hành các quy chế, quy trình rõ ràng, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn, hiệu quả, bền vững.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

II. BAN KIỂM SOÁT

III. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. THÀNH VIÊN HĐQT

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ông Vũ Huy Đông	CT HĐQT	8.005.465	18,28
2	Ông Đỗ Văn Khôi	TV HĐQT không điều hành	1.621.305	3,70
3	Ông Nguyễn Lê Hùng	TV HĐQT không điều hành	2.180.038	4,98
4	Ông Lê Văn Tuấn	TV HĐQT không điều hành	720.578	1,65
5	Ông Phạm Văn Thượng	TV HĐQT độc lập	0	0

Ông Vũ Huy Đông

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày sinh: 21/06/1955

CMND/CCCD số: 034055003633 – do Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 23/10/2017

Địa chỉ: Số 01 đường Lê Trọng Thứ, tổ 4, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Đại học Ngoại thương Hà Nội

Số lượng chức danh thành viên HĐQT/quản lý nắm giữ tại công ty khác: 01

Ông Đỗ Văn Khôi

Thành viên HĐQT không điều hành

Ngày sinh: 07/04/1956

CMND/CCCD số: 010060392 – do CA Hà Nội cấp ngày 02/11/2011

Địa chỉ: 22 phố Vũ Miên, Yên Phụ, Tây hồ, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Đại học Ngoại thương Hà Nội

Số lượng chức danh thành viên HĐQT/quản lý nắm giữ tại công ty khác: không

Ông Lê Văn Tuấn

Thành viên HĐQT không điều hành

Ngày sinh: 01/07/1961

CMND/CCCD số: 011841151 – do CA Hà Nội cấp ngày 27/05/2010

Địa chỉ: Số 3 ngõ 53 phố Tôn Thất Thiệp, phường Điện Biên, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Số lượng chức danh thành viên HĐQT/quản lý nắm giữ tại công ty khác: 02

Ông Nguyễn Lê Hùng

Thành viên HĐQT không điều hành

Ngày sinh: 30/08/1973

CMND/CCCD số: 011652545 – do CA Hà Nội cấp ngày 16/08/2007

Địa chỉ: P1704 Hanoi Aqua Central, 44 Yên phụ, phường Trúc bạch, quận Ba đình, TP Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng - Đại học Xây dựng

Số lượng chức danh thành viên HĐQT/quản lý nắm giữ tại công ty khác: 01

Ông Phạm Văn Thượng

Thành viên HĐQT độc lập

Ngày sinh: 19/02/1985

CMND/CCCD số: 030085004797 – do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 08/10/2018

Địa chỉ: P2613 CC BMM, Phúc La, Hà Đông, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính ngân hàng

Số lượng chức danh thành viên HĐQT/quản lý nắm giữ tại công ty khác: không

2. THAY ĐỔI TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Không có.



3. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Ông Vũ Huy Đông	CT HĐQT	16	100%
2	Ông Nguyễn Lê Hùng	TV HĐQT	16	100%
3	Ông Đỗ Văn Khôi	TV HĐQT	16	100%
4	Ông Lê Văn Tuấn	TV HĐQT	16	100%
5	Ông Phạm Văn Thượng	TV HĐQT độc lập	16	100%

Năm 2022, HĐQT của Công ty đã có nhiều nỗ lực, chỉ đạo kịp thời, giám sát chặt chẽ đối với hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các mục tiêu chiến lược và kế hoạch kinh doanh đã đề ra, cụ thể:

- HĐQT duy trì hoạt động thường xuyên phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty, đảm bảo yêu cầu về số lượng cuộc họp cũng như số thành viên tham dự để đáp ứng tính pháp lý và hiệu quả cuộc họp.
- HĐQT thực hiện tốt vai trò của mình, theo đó vai trò của thành viên được thể hiện rõ đảm bảo tối đa quyền lợi của cổ đông.
- HĐQT giám sát việc thực hiện các quyết định của HĐQT và nghị quyết ĐHĐCĐ.
- HĐQT định hướng và giám sát triển khai các dự án quan trọng của Công ty như quản lý rủi ro, kiểm toán, cải thiện quy trình nghiệp vụ kinh doanh.



4. CÁC NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG	TỶ LỆ THÔNG QUA
1	01/2022/NQ-HĐQT	03/01/2022	Về việc ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ của công ty	100%
2	02/2022/NQ-HĐQT	03/01/2022	Về việc miễn nhiệm Kế toán trưởng	100%
3	03/2022/NQ-HĐQT	03/01/2022	Về việc bổ nhiệm Kế Toán Trưởng	100%
4	05012022-1/NQ-HĐQT	05/01/2022	Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022	100%
5	14012022/NQ-HĐQT	14/01/2022	Về việc thay đổi nội dung phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ	100%
6	08022022/NQ-HĐQT	08/02/2022	Về việc triển khai chủ trương đầu tư mua cổ phần Công ty CP Tập đoàn năng lượng xanh AD	100%
7	09022022/NQ-HĐQT-ADS	09/02/2022	Về việc góp vốn mua cổ phần và cử người đại diện phần vốn góp của công ty tại CTCP đầu tư An Ninh Thái Bình	100%
8	17022022/NQ-HĐQT	17/02/2022	Về việc thông qua sửa đổi phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ	100%
9	0403/2022-NQ/HĐQT	04/03/2022	Về việc tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2022	100%
10	10032022/NQ-HĐQT	10/03/2022	Về việc phê duyệt điều chỉnh phương án phân bổ VCSH cho hoạt động đầu tư năm 2022-2023	100%
11	14032022/NQ-HĐQT	14/03/2022	Về việc thông qua thời gian phân phối trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ	100%
12	22032022/NQ-HĐQT	22/03/2022	Về việc thông qua kết quả đợt chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ	100%
13	01042022/NQ-HĐQT	01/04/2022	Về việc thông qua điều chỉnh phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ	100%
14	03082022/NQ-HĐQT	03/08/2022	Về việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2021	100%
15	11082022/NQ-HĐQT	11/08/2022	Về việc điều chỉnh nội dung liên quan đến việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2021	100%
16	15122022/NQ-HĐQT	15/12/2022	Về việc góp vốn mua cổ phần và cử người đại diện phần vốn góp của công ty tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Năng lượng xanh AD	100%

5. HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao; tham gia đầy đủ các cuộc họp và tham gia ý kiến, biểu quyết độc lập về các vấn đề cần sự quyết định của Hội đồng quản trị; tham gia giám sát, chỉ đạo hoạt động của Ban Tổng Giám đốc theo phân công công việc của Hội đồng quản trị.

Đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2022, thành viên Hội đồng quản trị độc lập nhận thấy:

- Hội đồng quản trị của Công ty trong năm 2022 đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện đúng vai trò của mình và đã đề xuất nhiều giải pháp, đưa ra những quyết định đúng đắn, kịp thời và minh bạch trong công tác quản trị; tuân thủ đầy đủ các quy định đối với công ty đại chúng.
- Hội đồng quản trị đã tổ chức đầy đủ các cuộc họp định kỳ, bất thường để thông qua các vấn đề theo thẩm quyền; thường xuyên chỉ đạo, giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã hết sức nỗ lực trong việc tìm kiếm, đề xuất và triển khai những giải pháp điều hành phù hợp, hiệu quả trong những diễn biến phức tạp của tình hình kinh tế xã hội năm 2022.

II. BAN KIỂM SOÁT

1. THÀNH VIÊN BKS

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Bà Phạm Thị Hối	Trưởng BKS	5.403	0,01
2	Bà Tạ Thị Thu Hiền	TV BKS	699	0,00
3	Bà Vũ Thùy Linh	TV BKS	28	0,00

2. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BKS

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Bà Phạm Thị Hối	Trưởng BKS	4	100%
2	Bà Vũ Thùy Linh	TV BKS	4	100%
3	Bà Tạ Thị Thu Hiền	TV BKS	4	100%

3. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2022, Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ giám sát hoạt động quản lý điều hành Công ty đảm bảo nguyên tắc khách quan, trung thực căn cứ vào Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị, các quy định pháp lý hiện hành. Cụ thể, Ban kiểm soát đã triển khai những công việc sau:

- Tuân thủ đúng Pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và cổ đông của Công ty.
- Tổ chức họp hàng tháng để kiểm điểm, triển khai công việc theo nhiệm vụ chức năng được giao.
- Xem xét, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, ban Tổng giám đốc và hệ thống quản lý của Công ty trong suốt niên độ liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch của Công ty năm 2022 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Thực hiện giám sát và phối hợp với Ban tổng giám đốc và hệ thống quản lý của Công ty trong suốt niên độ liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch của Công ty năm 2022 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Thực hiện giám sát và phối hợp với Ban tổng giám đốc, tổ chức kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của đơn vị thành viên trong công ty. Trực tiếp làm việc với ban lãnh đạo công ty nhằm phát hiện những rủi ro, hoặc những thiếu sót để kiến nghị những giải pháp phù hợp với ban lãnh đạo, điều hành Công ty và các đơn vị.
- Theo dõi, kiểm tra việc xây dựng quy chế, quy định của công ty và việc thực hiện các quy chế, quy định đã ban hành.
- Xem xét việc thực hiện quy trình, trình tự thủ tục hồ sơ các Dự án đầu tư của Công ty.
- Lựa chọn Công ty kiểm toán theo đúng nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty
- Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh theo Quý, sáu tháng và một năm của Công ty
- Cử trưởng BKS tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị
- Tham gia hội nghị CNV người lao động, các cuộc họp do Tổng Giám đốc chủ trì.



4. ĐÁNH GIÁ CỦA BKS ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ BAN TGD

Với Hội đồng quản trị

Các hoạt động của HĐQT năm 2022 đã tuân thủ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cũng như các quy định của Pháp luật hiện hành, tổ chức họp thường xuyên, họp định kỳ hàng quý, họp bất thường khi cần thiết do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, thường xuyên mời Trưởng BKS tham dự và triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ, thảo luận và quyết nghị những vấn đề chính yếu của Công ty, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai minh bạch. Đề xuất giải quyết tháo gỡ kịp thời những vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, khai thác những cơ hội thuận lợi, đầu tư phát triển hiệu quả, bảo toàn vốn, giải quyết kịp thời quyền lợi của cổ đông, chế độ đối với người lao động. Các Nghị quyết của HĐQT phù hợp với chức năng, quyền hạn theo quy định của Pháp luật và điều lệ công ty. Các quyết định của HĐQT mang tính tập trung và có sự thống nhất cao.



Với Ban Tổng giám đốc

Hoạt động của Công ty đã được ban điều hành triển khai thực hiện trên cơ sở Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và Điều lệ Công ty. Ban TGD đã chủ động khắc phục những khó khăn của nền kinh tế và thực trạng tình hình tài chính doanh nghiệp, phân công cơ cấu theo lĩnh vực và sát sao theo tình hình thực tế công việc. Công tác quản lý, điều hành của các đơn vị thành viên đã được cơ cấu theo hướng tích cực, năng động trong thực hiện nhiệm vụ SXKD về tài chính và nghĩa vụ quyền lợi rõ ràng hơn.

III. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

1. THÙ LAO CỦA HĐQT, BKS VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập (đồng)
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Ông Vũ Huy Đông	Chủ tịch HĐQT	675.314.418
	Ông Nguyễn Lê Hùng	TV HĐQT không điều hành	111.000.000
	Ông Đỗ Văn Khôi	TV HĐQT không điều hành	147.000.000
	Ông Lê Văn Tuấn	TV HĐQT không điều hành	111.000.000
	Ông Phạm Văn Thượng	TV HĐQT độc lập	111.000.000
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	Ông Vũ Huy Đức	Tổng Giám đốc	442.255.366
	Bà Vũ Phương Diệp	Phó Tổng Giám đốc	442.338.965
	Ông Vương Quốc Dương	Phó Tổng Giám đốc	561.783.227
	Ông Lê Xuân Chiến	Phó Tổng Giám đốc	509.194.087
BAN KIỂM SOÁT	Bà Phạm Thị Hối	Trưởng BKS	212.916.444
	Bà Vũ Thùy Linh	TV BKS	231.009.203
	Bà Tạ Thị Thu Hiền	TV BKS	138.456.332

2. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
1	Vũ Huy Đức	Tổng Giám đốc	2.039.800	5,36	2.591.295	5,92	Mua CP
2	Nguyễn Hồng Hạnh	Chị gái ông Nguyễn Lê Hùng TV HĐQT	0	0	10.000	0,00	Mua CP

3. GIAO DỊCH, HỢP ĐỒNG CỦA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

STT	Tên công ty	Giá trị giao dịch (triệu đồng)	
		Bán hàng	Mua hàng
1	Công ty Cổ phần sợi Eiffel	278.828	406.534
2	Công ty TNHH Golf Long Hưng	176.560	283.558
3	Công ty TNHH Đông Phong	100.492	129.482
4	Công ty TNHH SX và TM HTvina	65.868	86.758
5	Công ty CP Đầu tư An Ninh Thái Bình	372.000	-

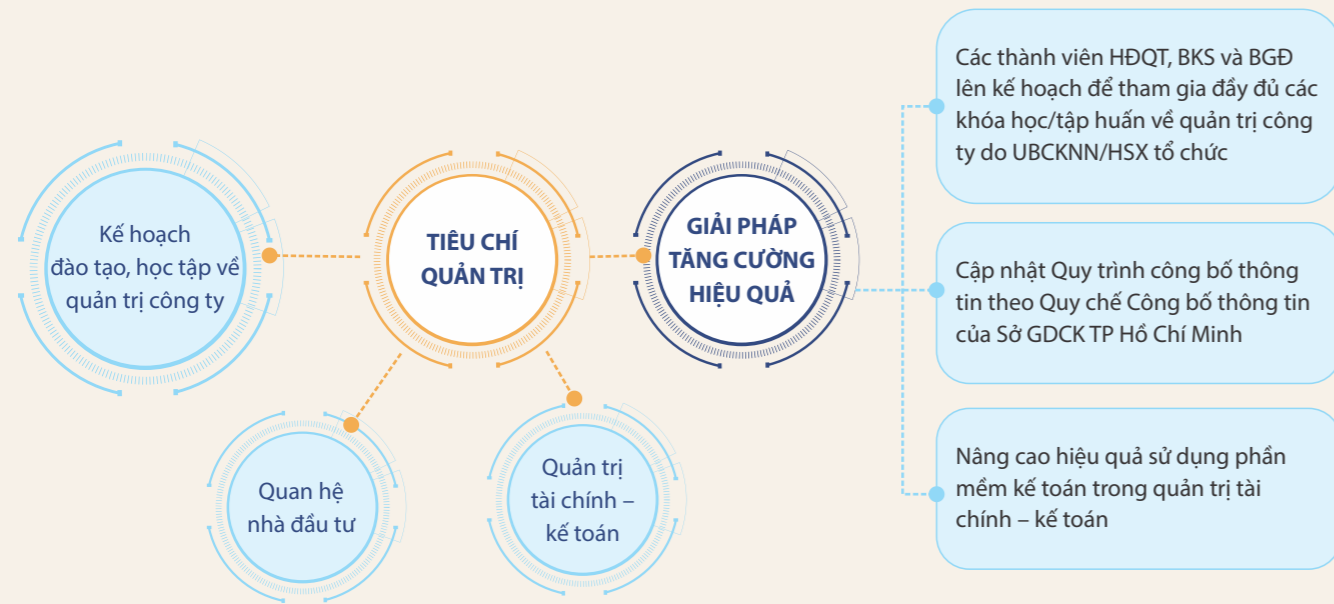
4. VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Từ khi tham gia thị trường chứng khoán đến nay, Công ty luôn chủ động nắm bắt các quy định pháp luật có liên quan và cập nhật kịp thời như:

- Tuân thủ đầy đủ nghĩa vụ về Công bố thông tin
- Định kỳ tổ chức Đại hội đồng cổ đông
- Xây dựng Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty bám sát theo Luật Doanh nghiệp 2020, Nghị định 155/2020/NĐ - CP về hướng dẫn quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Thông tư 116/2020/TT - BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định 155/2020
- Những việc trên một mặt nâng cao hiệu quả quản lý, mặt khác thúc đẩy sự công bằng, minh bạch trong quá trình xử lý sự cố và những sai sót phát sinh. Qua đó giúp ổn định và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cho Công ty.



5. TĂNG CƯỜNG HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ CÔNG TY



PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- I. TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG
- II. TIÊU THỤ NƯỚC
- III. TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG
- IV. TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
- V. BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

I. TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

1. CÁC SÁNG KIẾN VÀ BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH

Bổ sung trồng nhiều cây xanh trong phạm vi Nhà máy để làm tăng quá trình hấp thụ CO2, cải tạo không khí.

Cần nâng cao ý thức tiết kiệm điện.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về công tác bảo vệ môi trường cho toàn thể cán bộ công nhân viên trong toàn Nhà máy.



2. QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: 10.767 tấn bông, sợi

II. TIÊU THỤ NƯỚC

1. LƯỢNG NƯỚC TIÊU THỤ

- Khối lượng (m3)**
85.130
- Thành tiền - Chi phí (đồng)**
634.644.679
- Nguồn cung cấp**
CÔNG TY CP BITEXCO NAM LONG
CÔNG TY CP CẤP NƯỚC HOÀNG DIỆU
CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH THÁI BÌNH



2. TÁI CHẾ, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Do đặc thù của ngành doanh nghiệp sử dụng một số lượng lớn nước để phục vụ hoạt động sản xuất khăn bông đồ may mặc. Công ty tiến hành quy trình tái chế và xử lý nước thải đúng quy định, không gây ảnh hưởng xấu tới môi trường xung quanh.



III. TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

1. LƯỢNG ĐIỆN TIÊU THỤ

Điện năng được Công ty sử dụng chủ yếu cho hai mục đích là vận hành máy móc và chiếu sáng tại công xưởng. Công ty luôn ý thức việc sử dụng tiết kiệm điện năng theo chương trình mục tiêu Quốc gia về tiết kiệm năng lượng đồng thời cũng để cắt giảm chi phí sản xuất doanh nghiệp.

- Khối lượng Kwh**
7.946.229
- Thành tiền - chi phí (đồng)**
21.454.819.235
- Nguồn cung cấp**
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC
CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI BÌNH
CÔNG TY TNHH GREENYELLOW POWER VENTURES



2. TIẾT KIỆM ĐIỆN

Công ty đã tiến hành thực hiện một chương trình tiết kiệm điện: tuyên truyền nâng cao ý thức người lao động trong việc sử dụng điện và tiến hành thay mới một số bóng đèn tiết kiệm điện.

Trong thời gian tới, Công ty sẽ đẩy mạnh việc giảm thiểu tiêu thụ điện năng bằng cách rà soát lại các máy móc, trang thiết bị điện để tiến hành thay mới nếu cần thiết.

Công ty đã thực hiện xây dựng hệ thống điện áp mái tại KCN Gia Lễ và KCN Nguyễn Đức Cảnh định hướng phát triển năng lượng tái tạo cho toàn Công ty.



IV. TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty luôn tuân thủ pháp luật và các quy định về bảo vệ môi trường, các đoàn thanh, kiểm tra Môi trường thường đến kiểm tra và kết luận công ty đã tuân thủ về bảo vệ môi trường. Công ty cũng không bị xử phạt hành chính về việc vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định.



V. CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Năm 2022, Công ty luôn chăm lo đời sống cho Người lao động, thực hiện đầy đủ chế độ thưởng các ngày lễ trong năm, sinh nhật, sinh hoạt tập thể nhằm gắn kết Người lao động tạo sức mạnh to lớn để hoàn thành toàn diện các mục tiêu kinh doanh của Công ty.

Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động đào tạo nội bộ cho cán bộ nhân viên trong công ty về kỹ năng, kiến thức chuyên sâu áp dụng trong từng mảng hoạt động của Công ty nhằm phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

VI. BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Chia sẻ giá trị với cộng đồng được chúng tôi coi như một trong những sứ mệnh của mình và là một tiêu chí đo lường mức độ thành công của tổ chức. Thành công được chia sẻ mới có thể là thành công bền vững.

Xây dựng một môi trường làm việc đảm bảo mọi người lao động đều được an toàn, khỏe mạnh có cơ hội phát triển, nuôi sống được bản thân, gia đình,... tạo công ăn việc làm ổn định cho lao động địa phương là một trách nhiệm xã hội lớn mà Công ty Cổ phần Damsan đã làm được. Bên cạnh những nỗ lực, cố gắng trong sản xuất kinh doanh, Công ty xác định rõ trách nhiệm của doanh nghiệp xã hội. Hằng năm, Công ty luôn dành một phần lợi nhuận của mình để thực hiện các hoạt động mang tính cộng đồng, góp phần cải thiện đời sống xã hội trên tinh thần giúp đỡ, chia sẻ với những hoàn cảnh khó khăn bất hạnh trong cuộc sống, cùng góp phần xây dựng một xã hội tốt đẹp, nhân văn.

Bên cạnh những đóng góp vào sự phát triển cộng đồng, chúng tôi cũng làm tốt trách nhiệm của mình trong việc đảm bảo môi trường sống của cộng đồng địa phương bằng việc thực hiện nghiêm túc và tự giác các quy định và giải pháp về môi trường.

Ngày 31/12/2022, Công ty rất vinh dự khi đã được nhận bằng khen từ Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Bình về việc đã có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong công tác an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Thái Bình trong năm 2022.



VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2022

Thái Bình, ngày 04 tháng 4 năm 2023

Người đại diện pháp luật

CHỦ TỊCH H.Đ.Q.T
Vũ Huy Đông

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 60

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Damsan (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2022 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Huy Đông	Chủ tịch
Ông Đỗ Văn Khôi	Ủy viên
Ông Nguyễn Lê Hùng	Ủy viên
Ông Lê Văn Tuấn	Ủy viên
Ông Phạm Văn Thượng	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Huy Đức	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Phương Diệp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vương Quốc Dương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Xuân Chiến	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Phạm Thị Hồi	Trưởng ban
Bà Vũ Thùy Linh	Thành viên
Bà Tạ Thị Thu Hiền	Thành viên

Kế toán trưởng

Kế toán trưởng của Công ty là Bà Phạm Thị Dung.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, ngoài sự kiện đã được nêu tại Thuyết minh số 40.2 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, không có bất kỳ sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Vũ Huy Đông

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Thái Bình, ngày 22 tháng 03 năm 2023

Số: 220/2023/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
*Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Damsan
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022*

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Damsan**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Damsan (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 22/03/2023, từ trang 06 đến trang 60 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo hợp lệ và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo Chuẩn mực Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán báo cáo tài chính bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Damsan tại ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Damsan cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất này tại ngày 17/02/2022.



Lê Quang Nghĩa

Phó Tổng Giám đốc

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3660-2021-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2023

Lê Đức Hạnh

Kiểm toán viên

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3340-2020-112-1

Mẫu số B01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31/12/2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.670.194.981.171	1.605.935.761.362
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	54.664.554.175	126.890.821.732
Tiền	111		54.579.554.175	126.805.821.732
Các khoản tương đương tiền	112		85.000.000	85.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	326.199.103.576	271.926.234.299
Chứng khoán kinh doanh	121		50.000.000.000	30.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		276.199.103.576	241.926.234.299
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		830.041.530.929	614.230.059.133
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	175.631.789.982	199.056.892.540
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	272.303.202.899	179.476.731.732
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	203.630.258.070	110.040.258.070
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	197.886.013.774	145.065.910.587
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(19.409.733.796)	(19.409.733.796)
Hàng tồn kho	140		448.378.013.291	568.429.137.567
Hàng tồn kho	141	11	448.378.013.291	568.429.137.567
Tài sản ngắn hạn khác	150		10.911.779.200	24.459.508.631
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	16	558.290.789	520.733.676
Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.346.356.907	23.912.351.900
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	7.131.504	26.423.055
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		511.499.770.708	379.232.838.690
Tài sản cố định	220		180.332.683.262	224.755.548.618
Tài sản cố định hữu hình	221	13	179.514.695.471	223.841.295.507
- Nguyên giá	222		440.045.175.474	559.096.199.126
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(260.530.480.003)	(335.254.903.619)
Tài sản cố định vô hình	227	14	817.987.791	914.253.111
- Nguyên giá	228		2.285.306.375	2.285.306.375
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.467.318.584)	(1.371.053.264)
Bất động sản đầu tư	230	15	-	-
- Nguyên giá	231		79.480.882.796	14.540.799.490
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(79.480.882.796)	(14.540.799.490)
Tài sản dở dang dài hạn	240		2.181.768.111	1.938.339.273
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	2.181.768.111	1.938.339.273
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	303.348.536.841	140.094.596.119
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		303.348.536.841	140.094.596.119
Tài sản dài hạn khác	260		25.636.782.494	12.444.354.680
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	9.671.511.537	12.325.807.594
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		15.965.270.957	118.547.086
TỔNG TÀI SẢN	270		2.181.694.751.879	1.985.168.600.052

Mẫu số B01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.524.599.781.838	1.401.266.277.396
Nợ ngắn hạn	310		1.364.727.235.938	1.299.461.694.986
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	99.700.934.998	95.275.205.042
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	47.301.921.421	47.295.736.723
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	37.386.111.146	7.635.648.529
Phải trả người lao động	314		4.560.040.659	10.138.476.039
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	3.791.252.075	579.460.595
Phải trả ngắn hạn khác	319	22	457.873.962.793	508.757.769.094
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	711.385.127.262	627.051.513.380
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.727.885.584	2.727.885.584
Nợ dài hạn	330		159.872.545.900	101.804.582.410
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	22	1.915.311.067	1.909.522.900
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	59.893.349.604	99.895.059.510
Trái phiếu chuyển đổi	339	23	98.063.885.229	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		657.094.970.041	583.902.322.656
Vốn chủ sở hữu	410	24	657.094.970.041	583.902.322.656
Vốn góp của chủ sở hữu	411		437.790.340.000	380.694.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		437.790.340.000	380.694.500.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		60.125.420.714	60.125.420.714
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		5.424.054.503	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		2.294.024.276	2.294.024.276
Quỹ đầu tư phát triển	418		10.410.274.952	10.410.274.952
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		99.543.713.046	89.238.568.278
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		32.142.728.278	4.028.461.258
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		67.400.984.768	85.210.107.020
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		41.507.142.550	41.139.534.436
TỔNG NGUỒN VỐN	440		2.181.694.751.879	1.985.168.600.052

Thái Bình, ngày 22 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Phạm Thị Dung

Kế toán trưởng

Phạm Thị Dung

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Vũ Huy Đông

Mẫu số B02 – DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch	01	26	1.692.604.265.015	1.513.151.486.160
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	39.930.000	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.692.564.335.015	1.513.151.486.160
Giá vốn hàng bán	11	28	1.555.058.688.487	1.335.818.060.189
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		137.505.646.528	177.333.425.971
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	34.078.254.674	29.020.606.836
Chi phí tài chính	22	30	76.430.214.303	41.407.141.325
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>44.353.769.091</i>	<i>35.825.605.754</i>
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		1.113.316.222	999.950.653
Chi phí bán hàng	25	31	17.223.196.686	17.070.613.409
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	29.996.528.239	39.298.688.073
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		49.047.278.196	109.577.540.653
Thu nhập khác	31	32	39.465.339.997	6.701.532.336
Chi phí khác	32	33	2.277.220.175	2.672.428.702
Lợi nhuận khác	40		37.188.119.822	4.029.103.634
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		86.235.398.018	113.606.644.287
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	11.256.354.291	13.118.169.820
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	35	35.450.845	2.199.340
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		74.943.592.882	100.486.275.127
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		67.400.984.768	85.210.107.020
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		7.542.608.114	15.276.168.107
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	1.705	2.952
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	37	1.361	2.952

Thái Bình, ngày 22 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phạm Thị Dung

Phạm Thị Dung



Vũ Huy Đông

Mẫu số B03 – DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		86.235.398.018	113.606.644.287
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		104.737.842.510	59.839.699.048
Các khoản dự phòng	03		-	6.313.388.763
Lỗi các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.696.165.994	3.057.484.225
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(56.802.243.567)	(30.246.677.771)
Chi phí lãi vay	06		44.353.769.091	35.825.605.754
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		180.220.932.046	188.396.144.306
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		(78.711.087.437)	62.947.599.253
Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10		148.409.464.376	(93.032.002.460)
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(40.858.954.156)	17.550.526.009
(Tăng) chi phí trả trước	12		(25.125.360.915)	(1.310.904.164)
(Giảm) chứng khoán kinh doanh	13		-	(1.500.000.000)
Tiền lãi vay đã trả	14		(41.084.222.868)	(35.978.775.474)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.035.769.021)	(11.921.453.647)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		139.815.002.025	125.151.133.823
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(97.293.407.071)	(16.694.714.426)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		47.524.894.753	11.660.509.118
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(224.663.787.319)	(223.219.293.155)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		76.700.918.042	246.078.754.858
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(163.806.742.000)	(106.300.000.000)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		17.357.563.866	28.561.700.577
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(344.180.559.729)	(59.913.043.028)
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	99.841.833.441
Tiền thu từ đi vay	33		1.761.131.628.025	1.740.851.688.161
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.618.331.192.738)	(1.782.234.317.518)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.500.000.000)	(33.319.450.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		132.300.435.287	25.139.754.084

Mẫu số B03 – DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(72.065.122.417)	90.377.844.879
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	126.890.821.732	36.513.085.599
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(161.145.140)	(108.746)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	54.664.554.175	126.890.821.732

Thái Bình, ngày 22 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Phạm Thị Dung

Kế toán trưởng

Phạm Thị Dung

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Vũ Huy Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Mẫu số B09 – DN/HN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Damsan được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 1000389853 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 12 tháng 6 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 28 tháng 09 năm 2022.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 437.790.340.000 đồng, vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 437.790.340.000 đồng, tương đương 43.779.034 cổ phần, hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu: ADS.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Số cán bộ công nhân viên của Công ty tại 31/12/2022 là: 414 người (tại 31/12/2021 là: 677 người)

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động kinh doanh chính trong năm 2022 của Công ty là:

- Sản xuất sợi, vải dệt thoi, hoàn thiện sản phẩm dệt;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép, chi tiết: Bán buôn vải, hàng may sẵn;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Bán buôn sợi dệt, bông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành dệt may;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ; sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục).

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty trong vòng 12 tháng.

1.4 CẤU TRÚC CÔNG TY

Công ty có các Công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2022 bao gồm:

Tên Công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Sợi Eiffel	Thái Bình	80%	80%	Dệt sợi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)****1.4 CẤU TRÚC CÔNG TY (TIẾP)**

Công ty có các Công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2022 bao gồm:

Tên Công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần – Viện nghiên cứu Dệt may	Hà Nội	30%	30%	Nghiên cứu sản xuất sợi
Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình Cầu Ngàn	Thái Bình	45%	45%	Xây dựng cầu, đường bộ
Công ty Cổ phần Đầu tư An Ninh Thái Bình	Thái Bình	48%	48%	Sản xuất sợi
Công ty Cổ phần Tập đoàn Năng lượng xanh AD	Thái Bình	33%	33%	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Báo cáo tài chính của các Công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty và các Công ty con sẽ được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty và các Công ty con cũng phải được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)**2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất trong năm 2022 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính trong năm 2021.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao là các khoản đầu tư có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định tại ngày báo cáo và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 CÁC GIAO DỊCH BẰNG NGOẠI TỆ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.4 CÁC GIAO DỊCH BẰNG NGOẠI TỆ (TIẾP)**

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: Áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: Áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

3.5 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một Công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.5 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)*****Đầu tư vào Công ty liên kết***

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các Công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của Công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại Công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại Công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một Công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một Công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào Công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: Nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; Nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

3.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

3.7 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.7 HÀNG TỒN KHO (TIẾP)**

Giá xuất hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành theo tỷ lệ sản phẩm hoàn thành tương đương.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	06 - 20
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	07 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Công ty áp dụng tính và trích khấu hao tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13/10/2016 sửa đổi bổ sung về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Phần mềm máy tính

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 07 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.10 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Phần cơ sở hạ tầng tại Dự án Khu công nghiệp An Ninh huyện Tiền Hải của Công ty Cổ phần Eiffel được Công ty ghi nhận doanh thu một lần thì Công ty thực hiện trích khấu hao một lần vào giá vốn của dịch vụ cho thuê.

3.11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỠ DANG

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí khác

Được phân bổ căn cứ thời gian trả trước và thời gian mang lại hiệu quả kinh tế trong tương lai.

3.13 NỢ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

3.14 VAY VÀ NỢ PHẢI TRẢ THUÊ TÀI CHÍNH.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế hoạch vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.15 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Trong năm 2022, toàn bộ chi phí đi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

3.16 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay phải trả trong kỳ, gồm: Lãi trái phiếu phải trả và chi phí lãi vay ngân hàng
- Các khoản chi phí khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh trong kỳ.

3.17 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.18 GHI NHẬN DOANH THU*****Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.18 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)**

Trường hợp bán hàng hóa bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Đối với bất động sản phân lô bán nền đã chuyển giao nền đất cho khách hàng, Công ty được ghi nhận doanh thu với phần nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;
- Công ty đã thu hoặc chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng

Công ty áp dụng quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp để ghi nhận doanh thu từ tiền cho thuê tài sản. Theo đó, đối với trường hợp thời gian cho thuê chiếm hơn 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, Công ty ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước nếu đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và doanh nghiệp cho thuê không có nghĩa vụ trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê;
- Doanh nghiệp cho thuê phải ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

Đồng thời, Công ty thực hiện trích khấu hao của bất động sản đầu tư một lần vào giá vốn của dịch vụ cho thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất có liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.19 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm

Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn bất động sản nếu có đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Chi trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng;
- Chi trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần bất động sản đã hoàn thành bán trong năm và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu;
- Số chi phí trích trước và chi phí thực tế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán phải đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hóa bất động sản đã bán (được xác định theo diện tích).

3.20 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

3.21 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC***Thuế giá trị gia tăng (GTGT)***

Dự án nhà ở xã hội cho các hộ dân có thu nhập thấp theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao chịu thuế suất thuế GTGT 5%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.21 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.22 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.23 CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các Công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các Công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong năm 2022 được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
Đường Trần Hưng Đạo, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	9.377.452.457	310.548.647
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	45.202.101.718	126.495.273.085
Các khoản tương đương tiền	85.000.000	85.000.000
Cộng	54.664.554.175	126.890.821.732

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****5.1 Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2022			01/01/2022		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Tổng giá trị trái phiếu	50.000.000.000	50.000.000.000	-	30.000.000.000	30.000.000.000	-
+ Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình (*)	5.000.000.000	5.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-
+ Trái phiếu Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô (**)	45.000.000.000	45.000.000.000	-	25.000.000.000	25.000.000.000	-
Cộng	50.000.000.000	50.000.000.000	-	30.000.000.000	30.000.000.000	-

Các khoản đầu tư trái phiếu nắm giữ với mục đích kinh doanh bao gồm:

(*) Trái phiếu do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thái Bình phát hành: số lượng trái phiếu: 500 trái phiếu; Mệnh giá 10.000.000 đồng/trái phiếu; Ngày phát hành: 27/9/2019, kỳ hạn trái phiếu: 10 năm. Lãi trả 01 năm/ 1 lần với lãi suất năm: 8%/năm.

(**) Trái phiếu do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn – Chi nhánh Tây Đô phát hành:

- Số lượng trái phiếu: 25.000 trái phiếu ; Mệnh giá 1.000.000 đồng/trái phiếu, ngày phát hành 24/12/2020, kỳ hạn trái phiếu: 07 năm. Lãi suất 6.9%/năm;
- Số lượng trái phiếu: 200.000 trái phiếu ; Mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu, ngày phát hành 29/12/2022, kỳ hạn trái phiếu: 08 năm. Lãi suất 9%/năm;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)****5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	276.199.103.576	276.199.103.576	241.926.234.299	241.926.234.299
+ Tiền gửi có kỳ hạn	276.199.103.576	276.199.103.576	241.926.234.299	241.926.234.299
Cộng	276.199.103.576	276.199.103.576	241.926.234.299	241.926.234.299

Chi tiết các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại thời điểm 31/12/2022 như sau:

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	276.199.103.576	276.199.103.576	241.926.234.299	241.926.234.299
- Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam- Chi nhánh Hà Nội	-	-	6.000.000.000	6.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh Thái Bình	25.000.000.000	25.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	27.300.000.000	27.300.000.000	18.300.000.000	18.300.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn- Chi nhánh Tây Đô Hà Nội	21.676.308.500	21.676.308.500	21.112.149.200	21.112.149.200
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Thái Bình	25.510.190.273	25.510.190.273	23.881.374.716	23.881.374.716
- Ngân hàng TMCP Quân đội- Chi nhánh Thái Bình	31.001.616.133	31.001.616.133	29.431.746.373	29.431.746.373
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Thái Bình	80.692.007.975	80.692.007.975	84.903.274.623	84.903.274.623
- Ngân hàng TMCP Bắc Á- Chi nhánh Thái Bình	23.000.000.000	23.000.000.000	927.532.856	927.532.856
- Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh- Chi nhánh Thái Bình	1.074.317.808	1.074.317.808	1.000.000.000	1.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	9.000.000.000	9.000.000.000	16.000.000.000	16.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Hòa Bình	5.093.767.123	5.093.767.123	-	-
- Ngân hàng TNHH INDOVINA	26.850.895.764	26.850.895.764	25.370.156.531	25.370.156.531
Cộng	276.199.103.576	276.199.103.576	241.926.234.299	241.926.234.299

Các khoản tiền gửi ngắn hạn tại các Ngân hàng có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng với lãi suất từ 3,7% /năm đến 6,4%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

5.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Giá trị đầu tư vào Công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu như sau:

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	301.681.742.000	303.348.536.841	137.875.000.000	140.094.596.119
+ Công ty Cổ phần - Viện nghiên cứu Dệt may	31.575.000.000	33.241.794.841	31.575.000.000	33.794.596.119
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình Cầu Ngàn	182.506.742.000	182.506.742.000	106.300.000.000	106.300.000.000
+ Công ty Cổ phần Đầu tư An Ninh Thái Bình	48.000.000.000	48.000.000.000	-	-
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn Năng lượng Xanh AD	39.600.000.000	39.600.000.000	-	-
Cộng	301.681.742.000	303.348.536.841	137.875.000.000	140.094.596.119

Trong năm 2022, Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình Cầu Ngàn, Công ty Cổ phần Đầu tư An Ninh và Công ty Cổ phần Tập đoàn Năng lượng Xanh AD không phát sinh doanh thu và đang trong giai đoạn đầu triển khai các dự án.

Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các Công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2022 như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần - Viện nghiên cứu Dệt May	Hà Nội	30,00%	30,00%	Sản xuất sợi, nghiên cứu phát triển ngành dệt may
Công ty Cổ phần Tập đoàn Năng lượng xanh AD	Thái Bình	33,00%	33,00%	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện
Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình Cầu Ngàn	Thái Bình	45,00%	45,00%	Xây dựng cầu, đường bộ
Công ty Cổ phần Đầu tư An Ninh Thái Bình	Thái Bình	48,00%	48,00%	Sản xuất sợi, nghiên cứu phát triển ngành dệt may

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	175.631.789.982	(8.810.360.235)	199.056.892.540	(8.810.360.235)
<i>Phải thu khách hàng nước ngoài</i>	<i>21.766.883.212</i>	<i>(332.712.264)</i>	<i>40.745.571.999</i>	<i>(332.712.264)</i>
- Ning Bo Cimel Im&Ex Co.,Ltd	-	-	5.269.511.391	-
- Kajun Co.,Ltd	2.304.170.207	-	1.480.862.490	-
- Jinjiang Hengfeng I&E Trading Co.,Ltd	6.541.166.016	-	-	-
- Anhui Huamao Im&Ex Co.ltd	4.245.825.348	-	-	-
- Anhui Light Industries International Co.,Ltd	-	-	9.304.159.738	-
- Xiamen ITG Group Co.,Ltd	-	-	18.823.524.198	-
- Ya Mai Chi Co.,Ltd	752.193.967	-	1.355.118.817	-
- Rongchang Spin Industry Co.,LTD GuangDong	-	-	3.524.886.210	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	7.923.527.674	(332.712.264)	987.509.155	(332.712.264)
<i>Phải thu khách hàng trong nước</i>	<i>61.526.199.184</i>	<i>(8.477.647.971)</i>	<i>80.300.075.035</i>	<i>(8.477.647.971)</i>
- Công ty TNHH Dệt may Minh Thành Hà Nội	717.828.638	-	-	-
- Công ty Cổ phần xây dựng GM	8.305.212.174	-	1.510.353	-
- Công ty TNHH Xây lắp và Thương mại Thái Bình	18.179.131.101	-	181.270.865	-
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại HT Vina	4.306.670.162	-	4.129.983.749	-
- Công ty TNHH Golf Long Hưng	4.205.072.086	-	42.699.438.547	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	25.812.285.023	(8.477.647.971)	33.287.871.521	(8.477.647.971)
<i>Phải thu khách hàng mua bất động sản</i>	<i>92.338.707.586</i>	<i>-</i>	<i>78.011.245.506</i>	<i>-</i>
- Ủy ban Nhân dân Thành phố Thái Bình	29.328.206.428	-	-	-
- Khách hàng khác	63.010.501.158	-	78.011.245.506	-
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-	-	-
Cộng	175.631.789.982	(8.810.360.235)	199.056.892.540	(8.810.360.235)
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	8.511.742.248	-	47.773.681.481	-

(Thuyết minh chi tiết số 40)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	272.303.202.899	(10.466.373.561)	179.476.731.732	(10.466.373.561)
- Công ty TNHH Golf Long Hưng	74.502.755.020	-	58.226.299.355	-
- Công ty Cổ phần Thương mại đầu tư Thái Bình	542.053.809	-	542.053.809	-
- Công ty TNHH Xây dựng Đức Dũng Thái Bình	136.183.484.941	-	100.719.634.769	-
- Công ty Cổ phần 369	1.694.673.655	-	-	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn năng lượng xanh AD	41.405.390.000	-	-	-
- Trii Union Management Co.,Ltd	-	-	700.337.056	-
- Các đối tượng khác	17.974.845.474	(10.466.373.561)	19.288.406.743	(10.466.373.561)
Trả trước cho người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	272.303.202.899	(10.466.373.561)	179.476.731.732	(10.466.373.561)
Trả trước cho người bán là các bên liên quan <i>(Thuyết minh chi tiết số 40)</i>	74.502.755.020	-	58.226.299.355	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***8. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	203.630.258.070	(90.000.000)	110.040.258.070	(90.000.000)
- Trung tâm phát triển quỹ đất Thành phố Thái Bình (1)	53.598.156.191	-	53.598.156.191	-
+ Dự án Quang Trung	30.571.542.800	-	30.571.542.800	-
+ Dự án Phú Xuân	23.026.613.391	-	23.026.613.391	-
- Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình (2)	8.407.370.232	-	8.407.370.232	-
+ Dự án Lê Hồng Phong	1.777.265.728	-	1.777.265.728	-
+ Dự án Bồ Xuyên	6.630.104.504	-	6.630.104.504	-
- Bà Vũ Phương Diệp (3)	11.000.000.000	-	24.000.000.000	-
- Công ty TNHH Golf Long Hưng (4)	50.200.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Xây dựng Đức Dũng Thái Bình (5)	30.260.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư An Ninh Thái Bình (6)	19.930.000.000	-	-	-
- Các khoản cho vay ngắn hạn khác	30.234.731.647	(90.000.000)	24.034.731.647	(90.000.000)
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	203.630.258.070	(90.000.000)	110.040.258.070	(90.000.000)
Phải thu về cho vay là các bên liên quan	50.290.000.000	-	90.000.000	-
<i>(Thuyết minh chi tiết số 40)</i>				

(1) Khoản tiền Công ty ứng cho Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố Thái Bình theo văn bản thỏa thuận về việc ứng tiền để giải phóng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng công trình khu nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp tại khu nhà 5 tầng số 39, 40 phường Quang Trung, thành phố Thái Bình và dự án khu dân cư Phú Xuân, thành phố Thái Bình với lãi suất 10,4%/năm.

(2) Khoản tiền Công ty ứng cho Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Bình theo văn bản thỏa thuận về việc ứng tiền để giải phóng mặt bằng dự án đầu tư khu dân cư Lê Hồng Phong, và dự án Bồ Xuyên với lãi suất 10,4%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY (TIẾP)

- (3) Căn cứ theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 13.10.22/BB-HĐQT ngày 13/10/2022 thông qua phương án ủy quyền cho bà Vũ Phương Diệp – Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Damsan được đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần sợi Eiffel gửi tại Ngân hàng PVcombank – Chi nhánh Thái Bình và Quyết định số 13.10/QĐ-EF ngày 13/10/2022 về việc ủy quyền người đại diện phần vốn gửi tín dụng của Công ty Cổ phần sợi Eiffel:
- Số tiền gửi: 11.000.000.000 đồng;
 - Thời gian: 13 tháng kể từ ngày gửi;
 - Lãi suất: Theo quy định của Ngân hàng PVcombank – Chi nhánh Thái Bình tại thời điểm mở sổ tiết kiệm;
 - Bà Vũ Phương Diệp có trách nhiệm quản lý bảo toàn phần tiền vốn và tiền lãi của Công ty Cổ phần sợi Eiffel gửi tại ngân hàng PVcombank – Chi nhánh Thái Bình và chuyển lại cho Công ty Cổ phần sợi Eiffel khi tất toán sổ tiết kiệm;
 - Số tiền này được sử dụng làm tài sản thế chấp của Công ty Cổ phần Damsan tại Ngân hàng PVcombank – Chi nhánh Thái Bình.
- (4) Khoản tiền Công ty cho Công ty TNHH Golf Long Hưng vay theo hợp đồng số 01VV/DS-GLH/2022 ngày 07/07/2022 với thời hạn 12 tháng kể từ ngày vay, lãi suất 12%/ 360 ngày tính từ ngày nhận tiền vay, tiền lãi được trả hàng tháng vào ngày thứ 30 tính từ ngày vay.
- (5) Khoản tiền Công ty cho Công ty TNHH Xây dựng Đức Dũng Thái Bình vay theo hợp đồng số 02VV/DS-DD/2022 ngày 06/05/2022 với thời hạn 12 tháng kể từ ngày vay, lãi suất 12%/360 ngày tính từ ngày nhận tiền vay, tiền lãi được trả hàng tháng vào ngày thứ 30 tính từ ngày vay.
- (6) Khoản tiền Công ty cho Công ty Cổ phần Đầu tư An Ninh Thái Bình vay theo hợp đồng số 100722/VV/DS-AN/2022 ngày 10/07/2022 với thời hạn 12 tháng kể từ ngày vay, lãi suất 12%/360 ngày tính từ ngày nhận tiền vay, tiền lãi được trả hàng tháng vào ngày thứ 30 tính từ ngày vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	197.886.013.774	(43.000.000)	145.065.910.587	(43.000.000)
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.289.105.652	-	7.288.671.659	-
- Tạm ứng	68.195.326.594	-	23.058.856.631	-
- Ký cược, ký quỹ	-	-	332.500.000	-
- BQL, các khu công nghiệp tỉnh Thái Bình	1.041.196.000	-	1.041.196.000	-
- Trung tâm phát triển quỹ đất Thành phố Thái Bình (1)	7.056.676.720	-	7.071.411.542	-
- UBND Tỉnh Thái Bình (2)	4.347.661.275	-	4.347.661.275	-
- Sở Tài chính tỉnh Thái Bình (3)	76.100.026.913	-	76.041.312.586	-
- Công ty Cổ phần Lam Sơn	11.225.460.744	-	-	-
- Phải thu khác	22.630.559.876	(43.000.000)	25.884.300.894	(43.000.000)
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	197.886.013.774	(43.000.000)	145.065.910.587	(43.000.000)
Phải thu khác là các bên liên quan	5.393.539.515	-	259.224.592	-

(1) Lãi dự thu Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Thái Bình từ tiền ứng trước giải phóng mặt bằng khu nhà ở xã hội Quang Trung.

(2) Lãi dự thu Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Bình từ tiền ứng trước giải phóng mặt bằng khu dân cư Phú Xuân, khu dân cư Bồ Xuyên và khu dân cư Lê Hồng Phong.

(3) Tiền thu hộ theo QĐ số 4581/UBND-KT ngày 24/11/2017 về việc nộp toàn bộ số tiền thu được từ việc mở bán và cho thuê căn hộ tại dự án Khu nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp tổ 39, 40 phường Quang Trung, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***10. NỢ XẤU**

	31/12/2022			01/01/2022		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	30.042.996.740	10.633.262.944	(19.409.733.796)	30.042.996.740	10.633.262.944	(19.409.733.796)
- Ghulam Rabbani and Co	833.194.874	-	(833.194.874)	833.194.874	-	(833.194.874)
- Sofeene enterprises	761.021.813	-	(761.021.813)	761.021.813	-	(761.021.813)
- LGW Limited	545.706.638	-	(545.706.638)	545.706.638	-	(545.706.638)
- Saurashatra cotton & Agro Products	405.703.253	-	(405.703.253)	405.703.253	-	(405.703.253)
- Đối tượng khác	27.497.370.162	10.633.262.944	(16.864.107.218)	27.497.370.162	10.633.262.944	(16.864.107.218)
Cộng	30.042.996.740	10.633.262.944	(19.409.733.796)	30.042.996.740	10.633.262.944	(19.409.733.796)

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***11. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang đi trên đường	-	-	8.362.188.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	13.926.826.016	-	70.586.344.048	-
Công cụ, dụng cụ	10.668.000.731	-	8.120.759.288	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	362.061.285.583	-	407.430.127.922	-
- Dự án phát triển nhà ở khu dân cư xã Phú Xuân, TP. Thái Bình	113.627.286.195	-	132.001.031.267	-
- Dự án nhà ở xã hội, nhà ở thương mại Quang Trung	30.135.375.886	-	53.045.802.250	-
- Dự án liền kề khu Quang Trung	24.969.042.043	-	22.165.218.339	-
- Dự án Bỏ Xuyên	24.977.194.567	-	8.937.294.254	-
- Dự án VP Hồ Chí Minh	16.201.276.540	-	16.201.276.540	-
- Cụm CN An Ninh - Tiền Hải	27.742.099.859	-	-	-
- Chi phí thực hiện các dự án khác	3.229.907.537	-	3.583.124.164	-
- Sản phẩm dở dang	121.179.102.956	-	171.496.381.108	-
Thành phẩm	46.534.792.550	-	31.878.363.777	-
Hàng hóa	11.098.149.701	-	41.942.148.653	-
Hàng gửi bán	4.088.958.710	-	109.205.879	-
Cộng	448.378.013.291	-	568.429.137.567	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	2.181.768.111	2.181.768.111	1.938.339.273	1.938.339.273
- Mua sắm	-	-	347.727.273	347.727.273
- Xây dựng cơ bản	2.181.768.111	2.181.768.111	1.590.612.000	1.590.612.000
Cộng	2.181.768.111	2.181.768.111	1.938.339.273	1.938.339.273

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2022	127.714.782.420	419.611.779.244	11.171.048.643	598.588.819	559.096.199.126
- Mua trong năm	-	1.310.277.778	2.768.604.091	62.037.037	4.140.918.906
- Thanh lý, nhượng bán	(6.117.520.000)	(116.787.149.831)	(287.272.727)	-	(123.191.942.558)
31/12/2022	121.597.262.420	304.134.907.191	13.652.380.007	660.625.856	440.045.175.474
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2022	(59.415.379.132)	(269.168.871.935)	(6.115.700.544)	(554.952.008)	(335.254.903.619)
- Khấu hao trong năm	(7.088.274.514)	(31.421.419.790)	(1.250.017.455)	(21.359.914)	(39.781.071.673)
- Thanh lý, nhượng bán	3.855.170.449	110.363.052.113	287.272.727	-	114.505.495.289
31/12/2022	(62.648.483.197)	(190.227.239.612)	(7.078.445.272)	(576.311.922)	(260.530.480.003)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2022	68.299.403.288	150.442.907.309	5.055.348.099	43.636.811	223.841.295.507
31/12/2022	58.948.779.223	113.907.667.579	6.573.934.735	84.313.934	179.514.695.471

- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm khoản vay tại ngày 31/12/2022 là 179.008.028.779 đồng (tại 01/01/2022 là 210.186.493.761 đồng).
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 34.795.235.271 đồng (tại 01/01/2022 là 85.800.389.580 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2022	360.000.000	1.925.306.375	2.285.306.375
31/12/2022	360.000.000	1.925.306.375	2.285.306.375
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
01/01/2022	(360.000.000)	(1.011.053.264)	(1.371.053.264)
- Khấu hao trong năm	-	(96.265.320)	(96.265.320)
31/12/2022	(360.000.000)	(1.107.318.584)	(1.467.318.584)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2022	-	914.253.111	914.253.111
31/12/2022	-	817.987.791	817.987.791

- Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm khoản vay tại ngày 31/12/2022 số tiền là 817.987.791 đồng (tại ngày 01/01/2022 số tiền là: 914.253.111 đồng).
- Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng số tiền tại ngày 31/12/2022 là 360.000.000 đồng (tại ngày 01/01/2022 số tiền là: 360.000.000 đồng).

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Cơ sở hạ tầng khu công nghiệp VND	Cộng VND
Bất động sản đầu tư cho thuê		
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2022	14.540.799.490	14.540.799.490
- Tăng trong năm	64.940.083.306	64.940.083.306
31/12/2022	79.480.882.796	79.480.882.796
HAO MÒN LŨY KẾ		
01/01/2022	(14.540.799.490)	(14.540.799.490)
- Khấu hao trong năm	(64.940.083.306)	(64.940.083.306)
31/12/2022	(79.480.882.796)	(79.480.882.796)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2022	-	-
31/12/2022	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (TIẾP)

Bất động sản đầu tư được ghi nhận tăng trong năm tương ứng với phần diện tích đã đủ điều kiện ghi nhận doanh thu cho thuê trong năm đối với dự án Cụm Công nghiệp An Ninh, Huyện Tiền Hải, Tỉnh Thái Bình.

Phần cơ sở hạ tầng tại dự án khu công nghiệp mà Công ty ghi nhận doanh thu một lần được Công ty thực hiện trích khấu hao một lần vào giá vốn của dịch vụ cho thuê.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cần được trình bày. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính, Công ty chưa đánh giá lại giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư.

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	558.290.789	520.733.676
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	558.290.789	520.733.676
Dài hạn	9.671.511.537	12.325.807.594
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	8.139.109.414	9.924.610.416
- Chi phí trả trước dài hạn khác	1.532.402.123	2.401.197.178
Cộng	10.229.802.326	12.846.541.270

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	99.700.934.998	99.700.934.998	95.275.205.042	95.275.205.042
Phải trả cho hoạt động sản xuất kinh doanh	84.372.966.459	84.372.966.459	88.807.243.318	88.807.243.318
- Nhà cung cấp trong nước	79.227.080.426	79.227.080.426	26.400.401.456	26.400.401.456
+ Công ty Cổ phần Công nghệ Xây dựng Hà Việt	1.370.570.128	1.370.570.128	2.770.570.128	2.770.570.128
+ Công ty TNHH Sản xuất và thương mại HT Vina	5.016.959.128	5.016.959.128	399.346.200	399.346.200
+ Công ty Cổ phần Dệt may Đông Phong	23.309.299.175	23.309.299.175	-	-
+ Công ty Cổ phần SHP	5.878.103.056	5.878.103.056	2.908.299.905	2.908.299.905
+ Công ty Cổ phần Xây dựng và Công nghiệp Bê tông Hải Nam	5.703.585.514	5.703.585.514	-	-
+ Công ty TNHH Xây lắp và Thương mại Thái Bình	7.203.604.259	7.203.604.259	-	-
+ Phải trả người bán khác	30.744.959.166	30.744.959.166	20.322.185.223	20.322.185.223
- Nhà cung cấp nước ngoài	5.145.886.033	5.145.886.033	62.406.841.862	62.406.841.862
+ Ambica Cot Seeds Limited	99.333.780	99.333.780	14.872.031.690	14.872.031.690
+ Krishna Traders	-	-	9.695.217.441	9.695.217.441
+ Uday cotton industries	146.157.616	146.157.616	23.049.847.737	23.049.847.737
+ Textile enterprises limited	970.097.977	970.097.977	978.621.279	978.621.279
+ M/S Nakoda Enterprises	7.933.367	7.933.367	9.778.683.537	9.778.683.537
+ Saurer Technologies GMBH & CO. KG Elastomer Components	2.610.000.538	2.610.000.538	2.723.744.425	2.723.744.425
+ Phải trả người bán khác	1.312.362.755	1.312.362.755	1.308.695.753	1.308.695.753
Phải trả cho nhà thầu xây lắp	15.327.968.539	15.327.968.539	6.467.961.724	6.467.961.724
- Công ty Cổ phần Xây dựng GM	9.761.481.139	9.761.481.139	901.474.324	901.474.324
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	5.566.487.400	5.566.487.400	5.566.487.400	5.566.487.400
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	99.700.934.998	99.700.934.998	95.275.205.042	95.275.205.042
Phải trả người bán là các bên liên quan	28.326.258.303	28.326.258.303	399.346.200	399.346.200
<i>(Thuyết minh chi tiết số 40)</i>				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	47.301.921.421	47.295.736.723
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Năng lượng xanh AD	-	30.000.000.000
- Human Dong Xin Group Co.,Ltd	7.983.939.474	7.983.939.474
- Et Solar Power Hongkong Limited	3.943.798.415	-
- Light Shines (HK) Technology Limited	5.720.861.250	-
- Panca Sakti International PTE ltd	507.469.214	-
- Công ty TNHH Thương mại Jun và Rak	900.000.000	-
- Bà Nguyễn Thị Hương Giang	-	-
- Ban quản lý dự án Phú xuân	271.722.155	-
- Công ty TNHH Đầu tư FUSHIFU Hồng Kông	3.851.623.920	-
- Khách hàng mua bất động sản	22.648.562.630	7.069.866.839
- Các đối tượng khác	1.473.944.363	2.241.930.410
Dài hạn	-	-
Cộng	47.301.921.421	47.295.736.723
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan <i>(Thuyết minh chi tiêu số 40)</i>	-	30.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2022
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	4.602.980.015	40.260.108.626	34.575.725.831	10.287.362.810
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	48.341.021	48.341.021	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.960.661.708	27.138.529.006	3.035.769.021	27.063.421.693
- Thuế thu nhập cá nhân	72.006.806	499.212.506	538.149.022	33.070.290
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	2.686.228.751	2.683.972.398	2.256.353
- Các loại thuế khác	-	13.141.225	13.141.225	-
Cộng	7.635.648.529	70.645.561.135	40.895.098.518	37.386.111.146
	01/01/2022	Số phải thu trong năm	Số đã thực thu trong năm	31/12/2022
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế xuất, nhập khẩu	19.291.551	137.456.079	118.164.528	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	7.131.504	-	-	7.131.504
Cộng	26.423.055	137.456.079	118.164.528	7.131.504

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

STT Nội dung	31/12/2022		Trong năm		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	711.385.127.262	711.385.127.262	1.699.334.383.449	1.615.000.769.567	627.051.513.380	627.051.513.380
- Vay ngắn hạn	664.609.627.262	664.609.627.262	1.661.121.410.116	1.577.193.629.567	580.681.846.713	580.681.846.713
<i>Vay ngắn hạn bằng VND</i>	<i>450.525.655.784</i>	<i>450.525.655.784</i>	<i>957.351.390.117</i>	<i>661.064.990.066</i>	<i>154.239.255.733</i>	<i>154.239.255.733</i>
Vay cá nhân (1)	11.000.000.000	11.000.000.000	11.000.000.000	-	-	-
Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam- Chi nhánh Tây Đô (2)	121.923.050.000	121.923.050.000	365.658.994.000	291.869.547.242	48.133.603.242	48.133.603.242
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam- Chi nhánh Thái Bình (3)	252.111.605.784	252.111.605.784	509.131.396.117	363.125.442.824	106.105.652.491	106.105.652.491
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Bình (4)	15.165.000.000	15.165.000.000	15.165.000.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, Chi nhánh Thái Bình (5)	32.726.000.000	32.726.000.000	38.796.000.000	6.070.000.000	-	-
Chi nhánh Ngân hàng TMCP Quốc tế tại Thái Bình (6)	17.600.000.000	17.600.000.000	17.600.000.000	-	-	-
<i>Vay ngắn hạn bằng USD</i>	<i>214.083.971.478</i>	<i>214.083.971.478</i>	<i>703.770.019.999</i>	<i>916.128.639.501</i>	<i>426.442.590.980</i>	<i>426.442.590.980</i>
Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam- Chi nhánh Tây Đô (2)	48.256.630.000	48.256.630.000	141.750.370.000	242.110.910.000	148.617.170.000	148.617.170.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Bình (4)	8.310.750.000	8.310.750.000	44.820.025.494	58.786.217.511	22.276.942.017	22.276.942.017
Ngân hàng TMCP Sài Gòn- Hà Nội, Chi nhánh Hà Nội (5)	8.398.040.000	8.398.040.000	24.735.240.001	44.735.650.001	28.398.450.000	28.398.450.000
Chi nhánh Ngân hàng TMCP Quốc tế tại Thái Bình (6)	7.536.000.000	7.536.000.000	119.087.714.619	157.145.457.019	45.593.742.400	45.593.742.400
Ngân hàng TMCP Bắc Á- Chi nhánh Thái Bình (7)	36.757.770.000	36.757.770.000	78.016.765.820	52.398.115.820	11.139.120.000	11.139.120.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam- Chi nhánh Thái Bình (3)	10.669.033.307	10.669.033.307	110.880.188.837	197.372.414.953	97.161.259.423	97.161.259.423
Ngân hàng TMCP Công thương- Chi nhánh Thái Bình (8)	54.843.298.171	54.843.298.171	88.821.371.911	54.210.141.240	20.232.067.500	20.232.067.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

STT Nội dung	31/12/2022		Trong năm		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TNHH Indovina (9)	23.294.700.000	23.294.700.000	78.973.747.022	102.621.967.022	46.942.920.000	46.942.920.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam- Chi nhánh Hà Nội	-	-	82.246.295	6.163.165.935	6.080.919.640	6.080.919.640
Ngân hàng TMCP Đại Chúng VN - Chi nhánh Thái Bình (10)	16.017.750.000	16.017.750.000	16.602.350.000	584.600.000	-	-
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	46.775.500.000	46.775.500.000	38.212.973.333	37.807.140.000	46.369.666.667	46.369.666.667
<i>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả bằng VND</i>	<i>16.865.000.000</i>	<i>16.865.000.000</i>	<i>10.572.083.333</i>	<i>11.108.750.000</i>	<i>17.401.666.667</i>	<i>17.401.666.667</i>
Ngân hàng NN&PTNT chi nhánh Tây Đô - Hà Nội (2)	14.225.000.000	14.225.000.000	8.372.083.333	10.668.750.000	16.521.666.667	16.521.666.667
Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam (11)	2.640.000.000	2.640.000.000	2.200.000.000	440.000.000	880.000.000	880.000.000
<i>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả bằng USD</i>	<i>29.910.500.000</i>	<i>29.910.500.000</i>	<i>27.640.890.000</i>	<i>26.698.390.000</i>	<i>28.968.000.000</i>	<i>28.968.000.000</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Thái Bình (3)	29.910.500.000	29.910.500.000	27.640.890.000	26.698.390.000	28.968.000.000	28.968.000.000
b) Vay dài hạn	59.893.349.604	59.893.349.604	1.801.680.094	41.803.390.000	99.895.059.510	99.895.059.510
Ngân hàng NN&PTNT chi nhánh Tây Đô - Hà Nội (2)	26.153.333.333	26.153.333.333	-	14.225.000.000	40.378.333.333	40.378.333.333
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Thái Bình (3)	24.500.016.271	24.500.016.271	1.801.680.094	26.698.390.000	49.396.726.177	49.396.726.177
Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam (11)	9.240.000.000	9.240.000.000		880.000.000	10.120.000.000	10.120.000.000
Cộng	771.278.476.866	771.278.476.866	1.701.136.063.543	1.656.804.159.567	726.946.572.890	726.946.572.890

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**Chi tiết các khoản vay:**

- (1) Khoản vay ngắn hạn cá nhân số tiền 11.000.000.000 với lãi suất huy động là 8,7%/năm.
 - (2) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Tây Đô theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1462-LAV-202200851 ngày 01/08/2022 với các điều khoản:
 - Hạn mức tín dụng: 200.000.000.000 đồng;
 - Lãi suất: Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất từng thời kỳ;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động thực hiện phương án sản xuất kinh doanh niên độ 2022 – 2023, bảo lãnh, mở LC.
 - Thời hạn hợp đồng: Theo chu kỳ sản xuất kinh doanh, dịch vụ và khả năng trả nợ của Khách hàng nhưng tối đa không quá 06 tháng đối với từng lần giải ngân;
 - Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2022: 170.179.680.000 đồng;
 - Phương thức đảm bảo tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng:
 - Giá trị nhà xưởng theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 25/9/2012- Văn bản sửa đổi HĐTC TS số 440/HĐTC-04 ngày 31/3/2020 giữa Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn – CN Tây Đô và Công ty Cổ phần Damsan.
 - Giá trị máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 19112015/HĐTC ngày 19/11/2015 và Phụ lục HĐTC TS số 19112015/HĐTC-01 ngày 25/02/2020 giữa Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn – CN Tây Đô và Công ty Cổ phần Damsan.
 - Các khoản tiền gửi có kỳ hạn và trái phiếu của Công ty Cổ phần Damsan và bà Vũ Phương Diệp với tổng trị giá 51.351.000.000 đồng được nêu trong hợp đồng tín dụng số 1462-LAV-202200851 ngày 01 tháng 08 năm 2022.
- Khoản vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) - Chi nhánh Tây Đô theo Hợp đồng tín dụng số 1462-LAV-202000861 ký ngày 26/11/2020. Tổng số tiền vay tại thời điểm 31/12/2022 là 42.675.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng (ân hạn trả nợ gốc trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên hoặc được tính từ ngày giải ngân đầu tiên tới ngày Dự án chính thức có đủ nguồn thu để trả nợ). Lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay: Thực hiện dự án khu công nghiệp An Ninh. Tài sản đảm bảo: là toàn bộ tài sản và quyền tài sản hình thành trong tương lai từ Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm Công nghiệp An Ninh, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.
- (3) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thái Bình theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/2127123/HDTD ngày 30/11/2021 với các điều khoản:
 - Hạn mức tín dụng: 150.000.000.000 đồng;
 - Lãi suất: Lãi suất được quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - Thời hạn hợp đồng: Thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 30 tháng 11 năm 2022;
 - Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2022: 140.466.994.935 đồng;
 - Phương thức đảm bảo tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2021/2127123/HĐBD ngày 20/07/2021: Hàng tồn kho luân chuyển thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Damsan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thái Bình theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/7217771/HĐTD ngày 30/11/2021. Tổng hạn mức tín dụng là 125.000.000.000 đồng, thời hạn cấp hạn mức tín dụng đến hết tháng 11/2022. Thời gian vay và lãi suất được ghi cụ thể trên từng giấy nhận nợ. Mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC, chiết khấu bộ chứng từ hàng xuất. Khoản vay được đảm bảo theo các Hợp đồng cầm cố/thế chấp/bảo lãnh/ký quỹ. Đến hết 31/12/2022, các khoản vay ngắn hạn của Công ty với ngân hàng vẫn đang tuân thủ theo Hợp đồng hạn mức số 01/2021/7217771/HĐTD. Số dư vay tại 31/12/2022 là: 122.313.644.156 đồng.

Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thái Bình theo hợp đồng tín dụng số 01/2015/7217771/HĐTD ngày 28/10/2015, phụ lục hợp đồng ngày 09/08/2017. Tổng số tiền vay tại thời điểm 31/12/2022 là 2.274.597,83 USD, với thời hạn vay 102 tháng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên. Mỗi khoản vay có thời hạn là 180 ngày và ân hạn trong 06 tháng, lãi suất theo từng kế ước. Mục đích vay: đầu tư xây dựng và mua máy móc thiết bị nhà máy kéo sợi Eiffel. Tài sản đảm bảo là máy móc thiết bị hình thành từ khoản vay, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại Lô 159/14/KCN Gia Lễ, Đông Xuân, Đông Hưng, Thái Bình.

(4) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Thái Bình theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 94427.22755.1155640.TD ngày 19/12/2022 với các điều khoản:

- Hạn mức tín dụng: 80.000.000.000 đồng;
- Lãi suất: Lãi suất được quy định trong mỗi kế ước nhận nợ cụ thể;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bông sợi, khăn bông các loại;
- Thời hạn hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
- Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2022: 23.475.750.000 đồng;
- Phương thức đảm bảo tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng:
 - Các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty Cổ phần Damsan tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Thái Bình theo danh mục tài sản bảo đảm đính kèm hợp đồng tín dụng mức số 94427.22755.1155640.TD ngày 19/12/2022.
 - Hàng hóa (Bông, khăn móc,...) hình thành từ các hợp đồng kinh tế theo danh mục tài sản bảo đảm đính kèm hợp đồng tín dụng mức số 94427.22755.1155640.TD ngày 19/12/2022.

(5) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội, Chi nhánh Thái Bình theo Hợp đồng tín dụng số 137/2022/HĐHM - PN/SHB.112600 ngày 14/06/2022 với các điều khoản:

- Hạn mức tín dụng: 200.000.000.000 đồng;
- Lãi suất: Lãi suất được quy định trong mỗi kế ước nhận nợ cụ thể;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
- Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2022: 41.124.040.000 đồng, trong đó dư nợ gốc vay bằng tiền VND là 32.726.000.000 đồng và dư nợ gốc vay bằng tiền USD là 8.398.040.000 đồng (tương đương 990.000 USD)
- Phương thức đảm bảo tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty Cổ phần Damsan tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội, Chi nhánh Thái Bình Theo hợp đồng cầm cố số 137/2022/HĐCC-PN/SHB.112600 ngày 14/06/2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- (6) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế tại Thái Bình theo Hợp đồng tín dụng số 6248559.22 ký ngày 09/08/2022 với các điều khoản:
- Hạn mức tín dụng: 140.000.000.000 đồng;
 - Lãi suất: Lãi suất được quy định trong mỗi kế ước nhận nợ cụ thể;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bông sợi, khăn bông các loại;
 - Thời hạn hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
 - Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2022: 25.136.000.000 đồng;
 - Phương thức đảm bảo tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản được nêu trong hợp đồng tín dụng số 6248559.22 ký ngày 09/08/2022:
 - Hàng hóa hình thành trong tương lai là Bông nguyên liệu.
 - Giấy tờ có giá của Công ty Cổ phần Damsan hoặc bên thứ 3 do Ngân hàng TMCP Quốc tế tại Thái Bình phát hành.
- (7) Khoản vay Ngân hàng TMCP Bắc Á – Chi nhánh Thái Bình theo Hợp đồng tín dụng số 034/2022/HĐTD/BacABank.140 ký ngày 09 tháng 03 năm 2022 với các điều khoản:
- Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 đồng;
 - Lãi suất: Lãi suất được quy định trong mỗi kế ước nhận nợ cụ thể.
 - Mục đích vay: Để bổ sung vốn mở LC nhập khẩu Bông.
 - Thời hạn hợp đồng: Thời hạn cấp tín dụng là được quy định cụ thể trong từng kế ước nhận nợ.
 - Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2022: 36.757.770.000 đồng (tương đương 1.549.000 USD);
 - Phương thức đảm bảo tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty Cổ phần Damsan trị giá 9.000.000.000 đồng theo hợp đồng cầm cố số 034-1/2022/HĐCC/BacABank.140 ngày 08/04/2022.
- (8) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thái Bình theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2022-HĐCVHM/NHCT1360-DAMSAN ngày 13 tháng 05 năm 2022 với các điều khoản:
- Hạn mức tín dụng: 65.000.000.000 đồng;
 - Lãi suất: Lãi suất được quy định trong mỗi kế ước nhận nợ cụ thể;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bông sợi, khăn bông các loại;
 - Thời hạn hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
 - Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2022: 54.843.298.171 đồng (tương đương 2.308.219,62 USD)
 - Phương thức đảm bảo tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty Cổ phần Damsan với tổng trị giá 10.000.000.000 đồng theo Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 02/2022/HĐBĐ/NHCT360-DAMSAN-HĐTG tháng 07/2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(9) Khoản vay Ngân hàng TNHH INDOVINA theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 2039/IVB – HDHMTD/2022 ngày 23 tháng 11 năm 2022 với các điều khoản:

- Hạn mức tín dụng: 1.000.000 USD;
- Lãi suất: Lãi suất được quy định trong mỗi kế ước nhận nợ cụ thể;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
- Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2022: 23.294.700.000 đồng (tương đương 990.000 USD);
- Phương thức đảm bảo tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty Cổ phần Damsan tại Ngân hàng TNHH INDOVINA với tổng trị giá 26.850.895.764 đồng có nêu tại hợp đồng tín dụng số 2039/IVB – HDHMTD/2022 ngày 23 tháng 11 năm 2022.

(10) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - CN Thái Bình theo Hợp đồng tín dụng số 018/2022/HMTD/PVBTB-DAMSAN ký ngày 21 tháng 10 năm 2022 với các điều khoản:

- Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 đồng;
- Lãi suất: Lãi suất được quy định trong mỗi kế ước nhận nợ cụ thể;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bông sợi;
- Thời hạn hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
- Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2022: 16.017.750.000 đồng (tương đương 675.000 USD);
- Phương thức đảm bảo tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty Cổ phần Damsan tổng trị giá 9.000.000.000 đồng theo Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 018/2022/HĐBĐ-PVBThaiBinh ngày 21/10/2022

(11) Khoản vay dài hạn Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam và Công ty Cổ phần Sợi Eiffel theo Hợp đồng tín dụng đầu tư bảo vệ môi trường số 01-21/TD TT-QMT/EFL ký ngày 26/04/2021 với các điều khoản:

- Số tiền vay theo hợp đồng tín dụng là: 15.470.000.000 đồng;
- Số dư khoản vay tại thời điểm 31/12/2022 là: 10.120.000.000 đồng;
- Thời hạn khoản vay là 07 năm kể từ ngày nhận nợ;
- Mục đích khoản vay là: thanh toán chi phí thực hiện Dự án Nhà máy xử lý nước thải cụm Công nghiệp An Ninh;
- Lãi suất cho vay là 2,6%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	3.791.252.075	579.460.595
- Chi phí lãi vay	3.791.252.075	518.247.212
+ Lãi trái phiếu phải trả	3.123.287.671	-
+ Chi phí lãi vay ngân hàng	667.964.404	518.247.212
- Chi phí phải trả khác	-	61.213.383
Dài hạn	-	-
Cộng	3.791.252.075	579.460.595

22. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	457.873.962.793	508.757.769.094
- Kinh phí công đoàn	1.213.955.470	1.122.825.517
- Bảo hiểm xã hội	17.985.587	15.367.989
- Bảo hiểm y tế	22.779.082	28.637.022
- Bảo hiểm thất nghiệp	7.615.816	7.615.996
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	8.182.750.000	11.507.750.000
- Phải trả tiền đất và chi phí hạ tầng dự án KĐT Phú Xuân (1)	255.375.496.620	255.375.496.620
- Phải trả tiền đất khu nhà ở liền kề khu Quang Trung (2)	37.318.547.571	37.318.547.571
- Phí bảo trì tòa nhà	2.946.098.977	3.150.754.067
- Thu tiền ứng vốn dự án	138.996.971.073	193.953.808.596
- Thu tiền hợp tác thực hiện Dự án BQT Cầu Nghìn	440.000.000	1.247.750.000
- Phải trả khác	13.351.762.597	5.029.215.716
Dài hạn	1.915.311.067	1.909.522.900
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.915.311.067	1.909.522.900
Cộng	459.789.273.860	510.667.291.994

- (1) Đây là khoản phải trả tiền đất và chi phí hạ tầng dự án KĐT Phú Xuân, Dự án khu dân cư xã Phú Xuân, thành phố Thái Bình được chấp thuận chủ trương đầu tư dự án phát triển nhà ở theo Quyết định số 312/UBND-CTXDGT ngày 29/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình phê duyệt. Hiện tại Dự án chưa thực hiện quyết toán với UBND tỉnh Thái Bình.
- (2) Đây là khoản phải trả tiền đất khu nhà ở liền kề khu Quang Trung, Dự án khu dân cư tổ 39, 40 phường Quang Trung, thành phố Thái Bình được chấp thuận chủ trương đầu tư dự án phát triển nhà ở theo Quyết định số 314/UBND-CTXDGT ngày 29/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình phê duyệt. Hiện tại Dự án chưa thực hiện quyết toán với UBND tỉnh Thái Bình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

23. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Giá trị trái phiếu chuyển đổi		
- Cơ cấu vốn chủ sở hữu	5.424.054.503	-
- Cơ cấu nợ gốc ghi nhận ban đầu	92.639.830.726	-
Cộng	98.063.885.229	-

Tại ngày 21/03/2022, Công ty phát hành 100.000 trái phiếu ADSH 2224001 với mệnh giá trái phiếu: 1.000.000 đồng/ trái phiếu; tổng mệnh giá phát hành là 100.000.000.000 đồng; kỳ hạn trái phiếu: 2 năm với lãi suất 4%/ năm. Kỳ tính lãi và thanh toán lãi là thời hạn 1 năm liên tục bắt đầu từ ngày phát sinh. Đây là loại trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu, không kèm chứng quyền, không có tài sản đảm bảo. Mục đích sử dụng nguồn vốn: Trả nợ vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2021	280.694.500.000	60.283.587.273	-	2.294.024.276	10.410.274.952	32.097.911.258	36.363.366.329	422.143.664.088
- Tăng vốn trong năm trước	100.000.000.000	(158.166.559)	-	-	-	-	-	99.841.833.441
- Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	85.210.107.020	15.276.168.107	100.486.275.127
- Phân phối lợi	-	-	-	-	-	(28.069.450.000)	(10.500.000.000)	(38.569.450.000)
+ Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(28.069.450.000)	(10.500.000.000)	(38.569.450.000)
31/12/2021	380.694.500.000	60.125.420.714	-	2.294.024.276	10.410.274.952	89.238.568.278	41.139.534.436	583.902.322.656
01/01/2022	380.694.500.000	60.125.420.714	-	2.294.024.276	10.410.274.952	89.238.568.278	41.139.534.436	583.902.322.656
- Tăng trong năm	-	-	5.424.054.503	-	-	-	-	5.424.054.503
- Lãi trong năm	-	-	-	-	-	67.400.984.768	7.542.608.114	74.943.592.882
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu (*)	57.095.840.000	-	-	-	-	(57.095.840.000)	-	-
- Phân phối lợi	-	-	-	-	-	-	(7.175.000.000)	(7.175.000.000)
+ Chia cổ tức (**)	-	-	-	-	-	-	(7.175.000.000)	(7.175.000.000)
31/12/2022	437.790.340.000	60.125.420.714	5.424.054.503	2.294.024.276	10.410.274.952	99.543.713.046	41.507.142.550	657.094.970.041

(*) Ngày 23/04/2022, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2021 cho các cổ đông theo tỷ lệ 15% bằng cổ phiếu. Phương án chi trả cổ tức đã được Hội đồng Quản trị Công ty ra nghị quyết số 11082022/NQ-HĐQT về việc điều chỉnh nội dung liên quan đến việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2021 ký ngày 11/08/2022. Theo đó trong năm 2022, Công ty đã phát hành 5.710.417 cổ phiếu để trả cổ tức.

(**) Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 ngày 12/08/2022 và Nghị quyết số 12.08.22/NQ-HĐQT ngày 12/08/2022 của Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Sợi EIFFEL, Công ty Cổ phần Sợi EIFFEL thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2021 bằng tiền với tỷ lệ là 20,5% mệnh giá tính trên số tiền góp vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm)

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

24.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Vốn góp của các cổ đông	437.790.340.000	380.694.500.000
Cộng	437.790.340.000	380.694.500.000

24.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	380.694.500.000	280.694.500.000
+ Vốn góp tăng trong năm	57.095.840.000	100.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	437.790.340.000	380.694.500.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	57.095.840.000	28.069.450.000

24.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2022	01/01/2022
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	43.779.034	38.069.450
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	43.779.034	38.069.450
+ Cổ phiếu phổ thông	43.779.034	38.069.450
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	43.779.034	38.069.450
+ Cổ phiếu phổ thông	43.779.034	38.069.450
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

24.5 CÁC QUỸ

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	10.410.274.952	10.410.274.952
Cộng	10.410.274.952	10.410.274.952

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm)

25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngoại tệ các loại:		
Dollar Mỹ (USD)	1.209,30	57.255,05
Euro (EUR)	101,60	101,60

26. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu	1.692.604.265.015	1.513.151.486.160
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	1.413.252.897.571	1.442.378.946.752
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.973.560.476	21.726.809.110
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	264.305.296.539	41.898.174.673
- Doanh thu khác	72.510.429	7.147.555.625
Cộng	1.692.604.265.015	1.513.151.486.160
Doanh thu với các bên liên quan <i>(Thuyết minh số 40)</i>	342.959.674.396	201.077.412.830

27. GIẢM GIÁ HÀNG BÁN

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Các khoản giảm trừ doanh thu	39.930.000	-
Trong đó:		
+ Hàng bán bị trả lại	39.930.000	-
Cộng	39.930.000	-

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
- Giá vốn hàng hóa, thành phẩm đã bán	1.372.253.755.523	1.298.505.915.185
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	14.482.303.410	6.423.914.243
- Giá vốn kinh doanh bất động sản	168.252.498.069	30.888.230.761
- Giá vốn khác	70.131.485	-
Cộng	1.555.058.688.487	1.335.818.060.189

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm)

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	17.243.409.574	23.572.878.728
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	7.560.849.977	4.957.177.644
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	490.550.464
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	9.273.995.123	-
Cộng	34.078.254.674	29.020.606.836

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	44.353.769.091	35.825.605.754
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	28.768.903.544	2.006.638.981
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.696.165.994	3.548.034.689
- Chi phí tài chính khác	1.611.375.674	26.861.901
Cộng	76.430.214.303	41.407.141.325

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	29.996.528.239	39.298.688.073
- Chi phí nhân viên quản lý	9.204.474.271	14.789.148.389
- Chi phí vật liệu quản lý	-	7.634.400
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.913.931.733	1.528.113.851
- Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	-	6.432.823.091
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.092.161.567	16.540.968.342
- Chi phí bằng tiền khác	1.785.960.668	-
Các khoản chi phí bán hàng	17.223.196.686	17.070.613.409
- Chi phí nhân viên	647.142.797	601.597.331
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.393.853.635	15.862.593.967
- Chi phí bằng tiền khác	182.200.254	606.422.111
Cộng	47.219.724.925	56.369.301.482

32. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	39.444.245.708	6.673.799.043
- Các khoản khác	21.094.289	27.733.293
Cộng	39.465.339.997	6.701.532.336

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm)

33. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Các khoản bị phạt, chi phí không hợp lý hợp lệ	962.383.248	955.157.631
- Các khoản chi phí khác	1.314.836.927	1.717.271.071
Cộng	2.277.220.175	2.672.428.702

34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể giải thích Theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	11.256.354.291	13.118.169.820
Cộng	11.256.354.291	13.118.169.820

35. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	35.450.845	2.199.340
Cộng	35.450.845	2.199.340

36. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

Số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành

	Năm 2022 CP	Năm 2021 CP
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	38.069.450	28.069.450
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành trong năm	5.709.584	10.000.000
<i>Phát hành ngày 02/12/2021</i>	-	10.000.000
<i>Phát hành ngày 29/09/2022</i>	5.709.584	-
Tổng số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành tại thời điểm cuối năm	39.539.863	28.866.153

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm)

36. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (TIẾP)

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	67.400.984.768	85.210.107.020
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông	67.400.984.768	85.210.107.020
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	39.539.863	28.866.153
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.705	2.952

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

37. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế (VND)	67.400.984.768	85.210.107.020
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông (VND)	67.400.984.768	28.866.153
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (CP)	39.539.863	28.866.153
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm (CP)	10.000.000	-
Lãi suy giảm cổ phiếu (VND/CP)	1.361	2.952

38. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
- Chi phí nguyên vật liệu	815.880.656.317	761.797.790.521
- Chi phí nhân công	104.817.420.299	69.126.277.055
- Khấu hao tài sản cố định	39.877.759.208	59.759.699.044
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	65.297.539.077	117.862.108.932
- Chi phí bằng tiền khác	38.117.188.660	2.511.174.185
Cộng	1.063.990.563.561	1.011.057.049.737

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm

39. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Năm 2022

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động kinh doanh Bông	Hoạt động kinh doanh Sợi	Hoạt động kinh doanh Khăn	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	87.742.729.159	843.186.425.783	349.069.997.077	264.305.296.539	148.299.816.457	1.692.604.265.015
Chi phí bộ phận trực tiếp	77.329.037.400	864.822.766.246	325.881.820.393	168.252.498.069	118.772.566.379	1.555.058.688.487
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.413.691.759	(21.636.340.463)	23.188.176.684	96.052.798.470	29.527.250.078	137.545.576.528

Theo khu vực địa lý

	Trong nước	Nước ngoài	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	913.884.578.130	778.719.686.885	1.692.604.265.015
Tổng chi phí mua TSCĐ	4.140.918.906	-	4.140.918.906
Tài sản bộ phận			2.181.694.751.879
Nợ phải trả bộ phận			1.524.599.781.838

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm)***39. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)****Năm 2021****Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động kinh doanh Bông	Hoạt động kinh doanh Sợi	Hoạt động kinh doanh Khăn	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	152.373.060.280	1.014.466.609.421	221.595.661.281	41.898.174.673	82.817.980.505	1.513.151.486.160
Chi phí bộ phận trực tiếp	147.873.119.274	872.561.468.478	214.241.397.130	30.888.230.761	70.253.844.546	1.335.818.060.189
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.499.941.006	141.905.140.943	7.354.264.151	11.009.943.912	12.564.135.959	177.333.425.971

Theo khu vực địa lý

	Trong nước	Nước ngoài	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	689.097.489.961	824.053.996.199	1.513.151.486.160
Tổng chi phí mua TSCĐ	1.111.511.918	-	1.111.511.918
Tài sản bộ phận			1.985.168.600.052
Nợ phải trả bộ phận			1.401.266.277.396

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm)

40. THÔNG TIN KHÁC

40.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mối quan hệ với các bên liên quan có phát sinh trong năm 2022 bao gồm:

Tên Công ty	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Dệt may Đông Phong	Cùng chung người quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Golf Long Hưng	Cùng chung người quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại HT Vina	Cùng chung người quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Tập đoàn Năng lượng xanh AD	Cùng chung người quản lý chủ chốt

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán 31/12/2022 với các bên liên quan như sau:

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	342.959.674.396	201.077.412.830
Công ty Cổ phần Dệt may Đông Phong	100.532.277.422	10.835.086.140
Công ty TNHH Golf Long Hưng	176.559.483.247	140.456.785.042
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại HT Vina	65.867.913.727	49.785.541.648
Mua hàng hóa dịch vụ	526.217.586.710	247.898.841.217
Công ty TNHH Đông Phong	140.516.981.912	16.544.390.329
Công ty TNHH Golf Long Hưng	298.456.753.978	161.566.878.430
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại HT Vina	87.243.850.820	69.787.572.458

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm)

40. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

40.1 NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải thu khách hàng	8.511.742.248	47.773.681.481
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại HT Vina	4.306.670.162	4.129.983.749
Công ty TNHH Golf Long Hưng	4.205.072.086	42.699.438.547
Công ty Cổ phần Dệt may Đông Phong	-	944.259.185
Người mua trả tiền trước	-	30.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Năng lượng xanh AD	-	30.000.000.000
Trả trước cho nhà cung cấp	74.502.755.020	58.226.299.355
Công ty TNHH Golf Long Hưng	74.502.755.020	58.226.299.355
Phải thu khác	5.393.539.515	259.224.592
Công ty Cổ phần Dệt may Đông Phong	76.306.182	76.306.182
Công ty TNHH Golf Long Hưng	5.317.233.333	178.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại HT Vina	-	4.918.410
Phải trả người bán	28.326.258.303	399.346.200
Công ty TNHH Sản xuất và thương mại HT Vina	5.016.959.128	399.346.200
Công ty Cổ phần Dệt may Đông Phong	23.309.299.175	-
Phải thu về cho vay	50.290.000.000	90.000.000
Công ty Cổ phần Dệt may Đông Phong	90.000.000	90.000.000
Công ty TNHH Golf Long Hưng	50.200.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm)

40 THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**40.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong kỳ như sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong kỳ như sau:	3.454.627.159	2.859.379.132
Ông Vũ Huy Đông	675.314.418	640.768.887
Ông Nguyễn Lê Hùng	111.000.000	84.000.000
Ông Đỗ Văn Khôi	147.000.000	140.000.000
Ông Lê Văn Tuấn	111.000.000	84.000.000
Ông Vũ Huy Đức	442.255.366	480.113.316
Bà Vũ Phương Diệp	442.338.965	451.357.449
Ông Phạm Văn Thượng	111.000.000	84.000.000
Ông Vương Quốc Dương	561.783.227	442.520.912
Ông Lê Xuân Chiến	509.194.087	452.618.568
Ông Nguyễn Thiên Huy	343.741.096	-
Thù lao của Ban kiểm soát	582.381.979	501.875.167
Bà Vũ Thùy Linh	231.009.203	220.616.750
Bà Phạm Thị Hồi	212.916.444	158.266.667
Bà Tạ Thị Thu Hiền	138.456.332	122.991.750
Cộng	4.037.009.138	3.361.254.299

40.2 SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngày 03/03/2023, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Damsan – đã thông qua thời gian đăng ký thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu (Chuyển đổi đợt 1 của trái phiếu ADSH2224001). Theo Nghị quyết số 03032023/NQ-HĐQT về việc thông qua thời gian đăng ký thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu (Chuyển đổi đợt 1 của trái phiếu ADSH2224001) như sau:

- Mã trái phiếu: ADSH2224001
- Ngày phát hành: 21/03/2022
- Loại trái phiếu: Trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu, không có tài sản đảm bảo, không kèm chứng quyền
- Mệnh giá: 1.000.000 VND/Trái phiếu
- Ngày thực hiện chuyển đổi của đợt 1: 21/03/2023
- Giới hạn số lượng chuyển đổi của đợt 1: Sau 01 năm kể từ ngày hoàn tất đợt phát hành, người sở hữu trái phiếu có quyền được chuyển đổi tối đa 70% số lượng trái phiếu mà nhà đầu tư đó sở hữu thành cổ phiếu
- Thời gian đăng ký để thực hiện quyền chuyển đổi của đợt 1: Từ ngày 13/03/2023 đến ngày 20/03/2023
- Giá chuyển đổi: 10.000 đồng/cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm)

40. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**40.3 CAM KẾT KHÁC**

Theo Nghị quyết số 15122022/NQ-HĐQT ngày 15/12/2022 về việc góp vốn mua cổ phần và cử người đại diện phần vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Năng lượng xanh AD, sau khi hoàn tất việc góp vốn mua cổ phần bổ sung thì phần vốn góp cổ phần sở hữu của Công ty Cổ phần Damsan tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Năng lượng xanh AD là 126.000.000.000 đồng, tương ứng 12.600.000 cổ phần phổ thông, chiếm 52,5% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần tập đoàn năng lượng xanh AD, cụ thể:

- Phần vốn góp đang sở hữu tại Công ty Cổ phần Tập đoàn năng lượng xanh AD: 39.600.000.000 đồng
- Góp vốn bổ sung tại Công ty Cổ phần Tập đoàn năng lượng xanh AD, số tiền: 86.400.000.000 đồng
- Tăng tỷ lệ sở hữu của Công ty từ 33% lên 52,5%

Theo hợp đồng thuê đất số 68/HĐ/TĐ ngày 01/09/2006 giữa Công ty Cổ phần dệt sợi Damsan (nay là Công ty Cổ phần Damsan) và Ủy Ban nhân dân tỉnh Thái Bình, Công ty thuê diện tích đất 22.253m² tại khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh - Thành phố Thái Bình để xây dựng nhà máy kéo sợi dệt may (hiện tại là nhà máy Damsan I). Tiền thuê đất hợp đồng này được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Theo hợp đồng thuê đất số 78/HĐ/TĐ ngày 25/07/2007 giữa Công ty Cổ phần dệt sợi Damsan (nay là Công ty Cổ phần Damsan) và Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình, Công ty thuê diện tích đất 60.000m², thời hạn thuê tới hết ngày 31/12/2040 tại khu công nghiệp Gia Lễ - xã Đông Xuân - Đông Hưng để xây dựng nhà máy sản xuất sợi Damsan II. Theo phụ lục hợp đồng thuê đất số 19/PLHĐ/TĐ ngày 23/02/2016 về việc điều chỉnh diện tích đất thuê thành 36.431,6m². Tiền thuê đất hợp đồng này được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

40.4 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Công ty không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

40.5 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

Thái Bình, ngày 22 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị





Phạm Thị Dung

Phạm Thị Dung

Vũ Huy Đông



CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, Đường Bùi Viện Khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình

Điện thoại: +84 2273.643.826

Email: hc1@damsanjsc.vn

Website: <http://damsanjsc.vn>